



CẨM NANG QUẢN LÝ HIỆU QUẢ

UNDERSTANDING ACCOUNTS

# KIẾN THỨC VỀ KẾ TOÁN



• LỢI NHUẬN



• HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

• NGUỒN VỐN

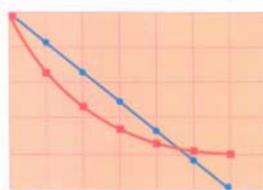


• TÀI SẢN

• KẾT TOÁN

• KINH DOANH

• ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN



• BÁO CÁO DOANH THU



• LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

CẨM NANG QUẢN LÝ

KIẾN THỨC  
VỀ KẾ TOÁN

UNDERSTANDING  
ACCOUNTS

CẨM NANG QUẢN LÝ

# KIẾN THỨC VỀ KẾ TOÁN

## UNDERSTANDING ACCOUNTS

ROBERT HELLER



Tổng hợp và Biên dịch : KIM PHƯƠNG  
LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH (M.B.A)  
Hiệu đính : NGUYỄN VĂN QUÌ (Ph.D.)

FIRST NEWS

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# NỘI DUNG

Lời giới thiệu

5

## KIẾN THỨC CƠ BẢN

Giải thích về sổ sách kế toán

6

Những ai sử dụng sổ sách kế toán?

8

Nghiên cứu những quy định và  
các nguyên tắc kế toán

10

Định nghĩa các khái niệm  
quan trọng

12

## NẮM VỮNG CHỨC NĂNG KẾ TOÁN

Tìm hiểu về báo cáo kết quả hoạt  
động kinh doanh

14

Nghiên cứu lợi nhuận gộp

16

Xác định lợi nhuận từ  
hoạt động kinh doanh

18

Đánh giá những mục cuối

20

Tìm hiểu bảng cân đối kế toán

22

Tìm hiểu tài sản cố định

24

Tài sản lưu động

28

Tìm hiểu các khoản nợ

32

Phân tích nguồn vốn cổ đông

34

Sử dụng báo cáo

36

lưu chuyển tiền tệ

38

Dự báo lưu lượng tiền mặt

40

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Tìm hiểu các tỷ suất	42
Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	44
Đọc bảng cân đối kế toán	46
Tìm hiểu tỷ lệ của các nhà đầu tư	48
Thu thập thêm thông tin	50

## MỞ RỘNG KIẾN THỨC

Tìm hiểu các vấn đề quốc tế	52
Xem xét những khó khăn chung	54
Thủ thuật trong kế toán	56
Ích lợi của kế toán quản trị	58
Đưa ra quyết định tài chính tương lai	62
Đánh giá kỹ năng kế toán của bạn	66



## LỜI GIỚI THIỆU

Tài chính có lẽ là chức năng quan trọng nhất trong hoạt động của bất kỳ một tổ chức nào. Kiến thức về những số liệu cơ bản và những báo cáo tài chính là chìa khóa dẫn đến khả năng quản lý thành công. Cuốn sách "**Kiến thức về kế toán**" sẽ cho bạn biết cách làm chủ ngôn ngữ tài chính và giúp bạn đóng góp một cách hiệu quả hơn vào toàn bộ quá trình kinh doanh cũng như nâng cao kỹ năng lãnh đạo. Với những gợi ý hữu ích, 101 lời khuyên và những ví dụ từ cuộc sống thực tế, cuốn sách này sẽ cung cấp cho bạn những kiến thức và thông tin thiết yếu cũng như những lời chỉ dẫn thiết thực về việc sử dụng và giải thích rõ cách thức tổng hợp các tài liệu kế toán, đồng thời cũng chỉ cho bạn cách làm thế nào để khai thác lượng thông tin về các hoạt động tài chính trong chính nội bộ công ty của bạn hay của đối thủ cạnh tranh.



## Hỗn

# KIẾN THỨC CƠ BẢN

Các tài liệu kế toán được tổng hợp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của một công ty. Hãy tìm hiểu xem các tài liệu đó được chuẩn bị như thế nào và chúng thể hiện điều gì về công việc kinh doanh của bạn và của đối thủ cạnh tranh.

## GIẢI THÍCH VỀ SỐ SÁCH KẾ TOÁN

**H**e thống sổ sách kế toán giúp ta nhìn nhận và hiểu rõ tình hình hoạt động kinh doanh. Hãy tìm hiểu ba loại báo cáo tài chính quan trọng và xem chúng liên kết với nhau như thế nào để hình thành một bức tranh tổng thể về mức độ hiệu quả trong hoạt động của một công ty.

## I

Hay sử dụng tất cả ba loại báo cáo tài chính quan trọng để giúp bạn đánh giá được sự thành công của công ty.

## 2

Hay thường xuyên dành thời gian để đánh giá tình hình hoạt động tài chính của công ty mình.



## TỔNG HỢP CÁC SỐ SÁCH KẾ TOÁN ĐÁNG TIN Cậy

Khi vị tu sĩ người Ý Fra Pacioli lần đầu tiên sáng tạo ra hệ thống kế toán sử dụng phương pháp bút toán kép cách đây 500 năm, ông đã đem đến cho thế giới văn minh một hệ thống kế toán đáng tin cậy. Những giao dịch phát sinh được ghi chép hai lần (một lần để cho biết giao dịch đó đến từ đâu và một lần để chỉ ra nó đi đến đâu) nhằm đảm bảo ghi nhận đầy đủ mọi giao dịch của công ty. Kế toán ngày nay cũng sử dụng những nguyên tắc này, cũng như những chuẩn mực do ngành nghề quy định, để tổng hợp những báo cáo tài chính có ý nghĩa nhằm tóm tắt được tình hình tài chính trước đây cũng như hiện tại của một công ty.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lợi nhuận từ hoạt động	63
Khấu hao	45
Mức tăng tồn kho	23
Mức tăng dư nợ	-85
Mức tăng khoản nợ	-27
Lượng tiền lưu thông	-27
Chi trả lãi suất vay	-20
Chi cước	-10
Chi phí bất thường	-10
Thuế	-16
Chi phí trang thiết bị	-85
Lượng tiền mặt trước khi kết toán	-141
Kết toán	
Mức tăng khoản nợ quá số dư tài khoản	60
Mức giảm khoản vay ngắn hạn	-15
Mức giảm thê chấp	-5
Lợi tức góp vốn	100
Lưu chuyển tiền mặt	140

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phác thảo lại những gì đã xảy ra với nguồn tài sản kinh doanh quan trọng nhất trong năm rồi của công ty - đó là tiền mặt.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM TRƯỚC ĐÂY
Tài sản cố định		
Tài sản hữu hình	170	150
Tài sản vô hình	10	10
Mức đầu tư	5	5
Tổng tài sản cố định	185	165
Tài sản lưu động		
Hàng tồn kho	208	185
Nợ phải thu	337	254
Khoan khác	18	16
Tiền mặt	2	
Tổng tài sản lưu động	565	455
Các khoản nợ ngắn hạn		
Nợ phải trả	80	
Chi phí công dokn	20	
Cố ruc phải trả	12	
Thuế	7	
Khoản rút quá số dư tài khoản	60	
Tổng các khoản nợ ngắn hạn	179	
Các khoản nợ dài hạn		

Bảng cân đối kế toán, còn được gọi là "ảnh chụp nhanh", cho biết tình hình tài chính hiện thời của công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, còn được gọi là "sách lịch sử", thể hiện những gì đã diễn ra trong công ty trong năm tài chính vừa qua

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu		
Gia vốn hàng bán	2200	2050
Tổng lợi nhuận	1700	1600
Chi phí hoạt động	500	450
Chi phí văn phòng phẩm	46	42
Chi phí thuê hỏi nợ khó đòi	24	20
Tiền thuê (nhà, đất)	15	14
Lương, thương	245	194
Chi phí tiếp thị	30	22
Chi phí phân phối	20	18
Chi phí điện nước	12	11
Tổng chi phí hoạt động	45	35
LÃI HOẠT ĐỘNG	437	356
Lãi phải trả	63	94
Chi phí bất thường	20	15
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	10	0
Thuế	33	79
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	7	16
Cố tức	26	63
Lợi tức khấu lùn	12	10
	14	53

## ▲ XÁC ĐỊNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Có ba báo cáo quan trọng giúp bạn đánh giá được sự thành công của công ty. Nói một cách tổng quát, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện doanh thu trừ đi chi phí, bảng cân đối kế toán thể hiện tài sản trừ đi các khoản nợ, còn bản báo cáo lưu chuyển tiền tệ lại ghi nhận sự tăng hay giảm của lượng tiền mặt.

## 3

Cần phải hiểu rằng các số liệu kế toán chỉ có chức năng phản ánh tình hình tài chính.

## NHÌN ĐƯỢC BÚC TRANH THỰC TẾ

Mỗi khi bạn xem xét các báo cáo tài chính được tạo thành từ các tài liệu kế toán của công ty, hãy nhớ một số điểm chính. Trước tiên, do các công ty có những chính sách kế toán và những phương pháp lũy kế khác nhau, nên sẽ không có hai hệ thống kế toán giống hệt nhau. Thứ hai, các hình thức tổ chức kinh doanh (hợp doanh hay công ty trách nhiệm hữu hạn) và loại hình kinh doanh (như là sản xuất hoặc dịch vụ) khác nhau sẽ hoạt động theo những cách khác nhau, mà kết quả là một số báo cáo kế toán thì đơn giản, còn một số lại phức tạp. Những báo cáo này cũng có thể được thực hiện bởi nhiều mục đích đa dạng như tính thuế, đánh giá tiềm năng đầu tư, hay xác định giá bán. Hãy nhớ điều này khi bạn diễn giải các con số.

## NHỮNG AI SỬ DỤNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN?

**S**ố sách kế toán cần thiết cho những sai có liên quan đến công ty và những người bên ngoài như đối thủ cạnh tranh và cơ quan thuế. Hãy học cách đọc các tài liệu kế toán từ nhiều quan điểm khác nhau để có thể hiểu rõ hơn về kế toán.

**5**

Phải hiểu được tầm quan trọng việc kiểm tra sổ sách kế toán của công ty.

### XÁC ĐỊNH GÓC NHÌN

Ngoài những báo cáo và số liệu kế toán hàng năm để cung cấp cho bên ngoài, hầu hết các công ty còn tổng hợp các tài liệu nội bộ, hay tài liệu quản lý. Những tài liệu này chỉ được sử dụng trong phạm vi tổ chức nhằm giúp đánh giá linh hoạt các hoạt động khác nhau (đôi khi không phải về tài chính) bởi vì chúng không bị chi phối bởi những luật lệ quy định việc chuẩn bị các số liệu báo cáo cho bên ngoài. Tuy nhiên, do các số liệu nội bộ không phải tuân thủ bất cứ luật lệ nào nên chúng thường không giống hoặc ít giống với những số liệu trong báo cáo hàng năm cung cấp cho bên ngoài. Những tài liệu nội bộ cũng có thể sai sót và gây ra nhiều vấn đề khi các nhà quản lý sử dụng chúng để điều hành công việc kinh doanh.

### XEM XÉT NHỮNG TÀI LIỆU KẾ TOÁN KHÁC NHAU ▶

*Những tài liệu cung cấp cho bên ngoài cho thấy tình况 quản và tính so sánh. Những tài liệu nội bộ không cần phải tuân thủ theo quy định, có thể linh hoạt và hữu ích hơn đối với doanh nghiệp, nhưng cũng dễ chứa đựng sai sót.*

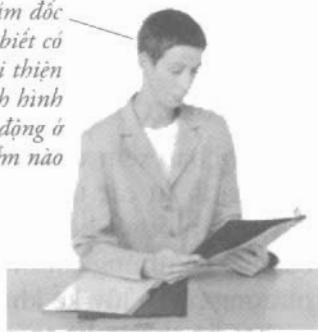
**4**

Lưu ý rằng các số liệu kế toán được tổng hợp cho nhiều mục đích khác nhau.

### ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐẾN SỔ SÁCH KẾ TOÁN?

Có hai đối tượng chính sẽ sử dụng tài liệu kế toán: những người quan tâm đến tình hình tài chính của công ty (như nhà đầu tư, cổ đông, người cho vay và nhà cung cấp) và những người có tầm nhìn rộng hơn (thường là cho các mục đích về thuế, quy định và pháp lý). Đối tượng thứ hai quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề tổng quát, ví như việc tuân thủ luật pháp, hơn là việc phân tích tài chính chi tiết.

Giám đốc  
muốn biết có  
thể cải thiện  
tình hình  
hoạt động ở  
điểm nào



TÀI LIỆU LUU HÀNH NỘI BỘ

Cán bộ  
thuế kiểm  
tra xem các  
khoản thuế  
đã đúng  
chưa



TÀI LIỆU CUNG CẤP CHO BÊN NGOÀI

## XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU KẾ TOÁN

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU KẾ TOÁN	NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT
 <p><b>NGƯỜI CHỦ</b> Có lợi ích sát sườn đối với tương lai và thành công của công ty; có xu hướng thận trọng về tài chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc kinh doanh tiến triển tốt như thế nào so với năm ngoái và so với những đối thủ cạnh tranh.</li> <li>Đảm bảo các nguồn lợi tức của gia đình được bảo đảm an toàn.</li> </ul>
 <p><b>NHÀ ĐẦU TƯ/CỔ ĐÔNG</b> Đầu tư tiền vào hay có cổ phần trong công ty; sự phân tích của họ thường rất chi tiết và chính xác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin về công ty có thể so sánh được với những công ty khác nhằm có được sự lựa chọn giữa các công ty.</li> <li>Những dấu hiệu thu nhập sẽ được tối đa hóa.</li> </ul>
 <p><b>NGƯỜI CHO VAY</b> Üng trước các khoản cho vay; cần biết công ty có khả năng trả lãi vay và trả được nợ không.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng chứng rằng công ty sẽ có thể trả lãi cho bất kỳ khoản nợ nào.</li> <li>Giá trị của công ty trong trường hợp công ty không thanh toán được nợ và bị thanh lý.</li> </ul>
 <p><b>ĐỐI THỦ CẠNH TRANH</b> Quan tâm đến tình hình tài chính tương quan và thống kê số liệu kinh doanh của đối thủ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mức tăng doanh số, thị phần, lợi nhuận rộng, và hiệu quả kinh doanh tổng quát.</li> <li>Thông tin về cơ cấu chi phí và những hoạt động của các đối thủ cạnh tranh.</li> </ul>
 <p><b>GIÁM ĐỐC/NHÂN VIÊN</b> Làm việc và được công ty trả lương toàn thời gian và thường xuyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động một cách cạnh tranh.</li> <li>Những con số cuối năm phản ánh năng lực của họ một cách tích cực.</li> </ul>
 <p><b>KHÁCH HÀNG/NHÀ CUNG CẤP</b> Cần biết họ làm việc với những công ty có tình hình tài chính ổn định và có uy tín không.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khả năng tiếp tục cung cấp hàng hóa và hợp tác mà không bị gián đoạn trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ.</li> <li>Khả năng của công ty trong việc trả tiền hàng hóa và giao hàng đúng hẹn.</li> </ul>
 <p><b>CÁN BỘ THUẾ</b> Đánh giá các báo cáo tài chính về tình chính xác và hợp lý, đồng thời kiểm tra số thuế phải nộp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các số liệu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuẩn bị và tổng hợp kỹ lưỡng.</li> <li>Tính hiệu lực của số liệu khi so sánh với các công ty tương tự.</li> </ul>

## Nghiên cứu những quy định và các nguyên tắc kế toán

**V**iệc xác lập các tài liệu kế toán phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật và các nguyên tắc không chính thức của ngành kế toán. Việc hiểu rõ các nguyên tắc kế toán và những ảnh hưởng của nó sẽ giúp hình thành cách chuẩn bị các tài liệu kế toán cần thiết nếu nhà quản lý muốn sử dụng các kết quả để đánh giá, thảo luận, điều chỉnh và xác lập mục tiêu công việc phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức.

**7** Chấp nhận việc công khai hóa ngay cả những thông tin nhỏ nhất.

**8** Luôn cập nhật những phương pháp kế toán mới nhất.

### DÁNH GIÁ CÁC HƯỚNG DẪN

Đối với những vấn đề kế toán mà pháp luật không hướng dẫn đầy đủ và rõ ràng, những người làm công tác kế toán đã thành lập một hệ thống nguyên tắc và chuẩn mực riêng gọi là "Những nguyên tắc kế toán được chấp nhận phổ biến" (theo tiếng Anh viết tắt là GAAP). Tùy từng quốc gia cụ thể mà GAAP có những hướng dẫn cách xử lý tốt nhất đối với các giao dịch chính. Do GAAP không mang tính bắt buộc nên việc tuân thủ hệ thống này có thể không được hoàn hảo, và có thể dẫn đến việc lạm dụng. Các doanh nghiệp nhất định tùy theo quy mô, loại hình sở hữu hay các nguyên tắc niêm yết của thị trường chứng khoán có thể áp dụng thêm những nguyên tắc khác.

**6**

Hay tìm hiểu rõ những ảnh hưởng của luật pháp và của ngành kế toán.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, các nguyên tắc cơ bản khi thiết lập sổ sách kế toán đều được luật pháp quy định. Việc hình thành, quản lý và đóng cửa công ty được pháp luật quy định chặt chẽ. Nói chung, pháp luật tạo ra bộ khung tổng thể cho việc hình thành sổ sách kế toán. Trong khi pháp luật quy định rất rõ ràng về "thời gian" và "công việc" khi tổng hợp các số liệu kế toán, thì những vấn đề như "cách thức định giá hàng tồn kho", hay "cách thức tính toán lợi nhuận của một giao dịch cụ thể" thì lại rất mơ hồ. Cấp độ kế toán chi tiết như thế chính là công việc của người kế toán.

#### NHỮNG CÂU HỎI CHO CHÍNH BAN

- ? Tôi đang tìm hiểu về doanh nghiệp ở quy mô nào, và tôi muốn nhận được thông tin kế toán chi tiết đến mức độ nào?
- ? Pháp luật quy định về nội dung của sổ sách kế toán như thế nào, và tôi sẽ nhận được những thông tin gì?
- ? Các chính sách kế toán của công ty có điển hình và phù hợp đối với quy mô và loại hình hoạt động của doanh nghiệp đó không?

## SO SÁNH VỀ THÔNG LỆ KẾ TOÁN Ở CÁC QUỐC GIA KHÁC NHAU

Những nguyên tắc chỉ phác họa việc hình thành và tổ chức sổ sách kế toán thường không giống nhau. Những quy định về pháp lý của nhà nước và những nguyên tắc không chính thức nhưng được chấp nhận rộng rãi của ngành kế toán có thể rất chặt chẽ hoặc lỏng lẻo tùy theo từng quốc gia. Những quốc gia có hệ thống thuế và luật chặt chẽ (như các

quốc gia châu Âu) thường có hệ thống GAAP lỏng lẻo và ngược lại. Hệ thống thị trường chứng khoán mở và hoạt động mạnh thường có một hệ thống GAAP hoạt động mạnh, vì quy tắc của hệ thống GAAP, không giống như luật pháp, có thể hình thành tương đối nhanh theo những vấn đề thực tế.

## CHỌN LỰA NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Do áp dụng cả quy định của luật pháp và hệ thống GAAP, các công ty sẽ phải lựa chọn cách hạch toán các giao dịch tài chính. Chính sách kế toán thường sẽ do giám đốc và các cố vấn doanh nghiệp lựa chọn sao cho phù hợp nhất với tình hình hiện tại của công ty. Đây cũng là cách tốt nhất để trình bày một cách chính xác kết quả kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty. Thực ra không có công ty nào giống nhau cả, nên mỗi doanh nghiệp sẽ có cách tổng hợp số liệu kế toán khác nhau.

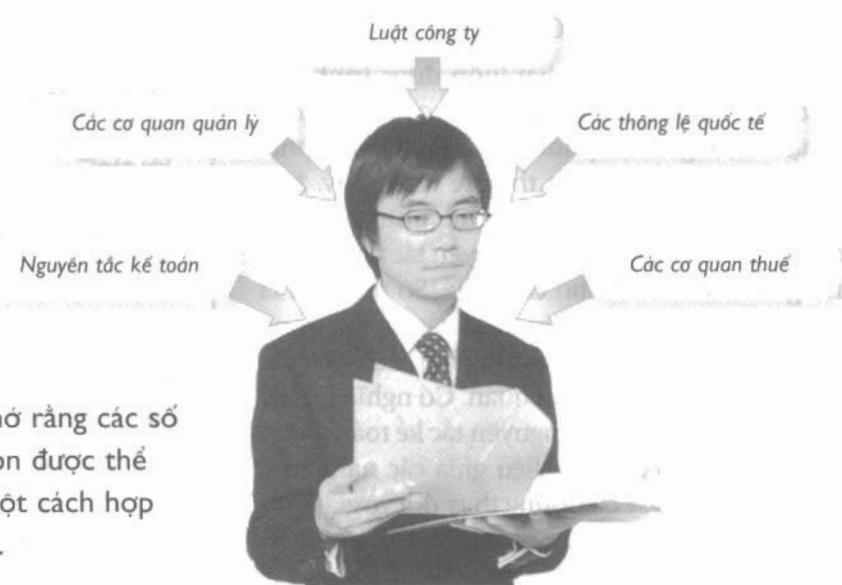
9

Nên biết rằng có nhiều phương pháp tổng hợp số liệu kế toán khác nhau trên thế giới.

### ▼ XÁC ĐỊNH NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI SỐ SÁCH KẾ TOÁN

*Trong năm yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến các báo cáo kế toán, luật công ty và nguyên tắc thực hành kế toán có ảnh hưởng lớn nhất đến hình thức của các số sách, kể đó là các cơ quan luật pháp, thuế và các quy định quốc tế.*

10 Cần nhớ rằng các số liệu luôn được thể hiện một cách hợp lý nhất.



## ĐỊNH NGHĨA CÁC KHÁI NIỆM QUAN TRỌNG

Trong kế toán có những chủ đề hay khái niệm cơ bản, như nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc nhất quán và nguyên tắc hoạt động liên tục. Đó là các nền tảng của kế toán. Để có thể hiểu được kế toán, điều cần thiết là phải nhận thức được tầm quan trọng của các nguyên tắc trên.

11

Hay ghi nhớ bốn nguyên tắc kế toán cơ bản.



12

Phải ghi nhận khi chi phí phát sinh, chứ không phải là khi thanh toán tiền.

### SỬ DỤNG NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU HAY CHI PHÍ

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí quy định khi nào một giao dịch được ghi nhận vào sổ sách kế toán. Mọi giao dịch luôn được ghi nhận khi doanh thu (hay chi phí) phát sinh chứ không phải lúc thanh toán tiền (hay được thanh toán tiền). Ví dụ: khi bán hàng trả chậm, bạn sẽ không thu tiền cho đến tài khóa sau đó nhưng doanh thu phải được ghi nhận ngay từ bây giờ. Tuy rằng việc áp dụng nguyên tắc kế toán cơ bản này là lẽ thường tình nhưng nó lại gây ra phần lớn các vấn đề liên quan đến kế toán.

### THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG VÀ NGUYÊN TẮC NHẤT QUÁN

Các báo cáo tài chính phải luôn được trình bày một cách thận trọng hay bảo thủ, có nghĩa là lợi nhuận không được phóng đại và chi phí phải được đánh giá một cách thực tế và hợp lý. Nói cách khác, các con số phải được nhìn nhận từ khía cạnh không lạc quan. Nguyên tắc thận trọng trong kế toán trả lời cho câu hỏi: "Số tiền nên là bao nhiêu?" và đây là nguyên tắc quan trọng nhất. Các số liệu phải được tổng hợp dựa trên các giả định và cách xử lý nhất quán. Có nghĩa là một công ty nên sử dụng các nguyên tắc kế toán giống nhau để việc so sánh số liệu giữa các năm có ý nghĩa. Tất nhiên sẽ có những thay đổi về giả định và cách xử lý, nhưng cần phải lưu ý lượng hóa những ý nghĩa về mặt tài chính của việc này.

#### NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí đặt ra câu hỏi: "Trong tài khóa nào?", hay "Ảnh hưởng của một giao dịch được thể hiện khi nào?"
- Nguyên tắc thận trọng, hay bảo thủ tài chính, là nguyên tắc quan trọng nhất so với các nguyên tắc kế toán khác.

13

Cần biết rằng nguyên tắc thận trọng làm cho kế toán trở nên đáng tin cậy.

## GIÁ ĐỊNH TÌNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Khi tổng hợp các số liệu, cần phải giả định rằng tổ chức trong năm tới sẽ vẫn tiếp tục hoạt động. Đây chỉ là một giả định ngầm, vì ta không thể tổng hợp được các số liệu kế toán nếu doanh nghiệp có nguy cơ thất bại trong tương lai. Giá trị hàng tồn kho, nhà máy, thiết bị hay những thiết bị khác trong sổ sách kế toán sẽ bị ảnh hưởng nếu doanh nghiệp ngừng hoạt động.

14

Cần nhận biết rằng bất kỳ sự thay đổi nào trong việc tổng hợp số liệu kế toán luôn có nghĩa là có điều gì đó đang được ẩn giấu.

## GIẢI THÍCH NHỮNG THUẬT NGỮ CƠ BẢN

THUẬT NGỮ	Ý NGHĨA
TÀI SẢN	Là bất kỳ những gì thuộc sở hữu của một tổ chức và có giá trị quy thành tiền, từ nhà xưởng, máy móc đến bảng sáng chế và lợi thế kinh doanh.
KIỂM TOÁN	Là việc kiểm tra sổ sách kế toán một cách độc lập và tuân theo các nguyên tắc nhất định, được thực hiện bởi các kiểm toán viên.
KHẨU HAO	Là mức chi phí hàng năm được thể hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng cách ghi mức giảm tài sản cố định trong thời gian sử dụng dự kiến.
VỐN CỔ PHẦN	Là vốn cổ phần và các khoản dự phòng của công ty, thể hiện những gì mà các cổ đông đã đầu tư vào công ty.
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Là tài sản được sử dụng trong công ty, không đem bán lại, thường có thời hạn sử dụng hơn một năm.
KHOẢN NỢ	Là số tiền nợ trong một khoảng thời gian nhất định, thường được chia thành nợ ngắn hạn (dưới một năm) hoặc nợ dài hạn (trên một năm).
KHOẢN DỰ PHÒNG	Là những khoản lợi nhuận của doanh nghiệp, được đầu tư vào hoạt động kinh doanh thay vì chi trả cổ tức.
VỐN LƯU ĐỘNG	Là số vốn dành cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp, bằng tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn.

# NĂM VỮNG CHỨC NĂNG KẾ TOÁN

Năm vững chức năng kế toán có nghĩa là thông thạo về ba báo cáo tài chính cơ bản: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Chúng ta hãy nghiên cứu mối liên hệ giữa ba loại báo cáo này.

## TÌM HIỂU VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**B**ảng kê khai lãi lỗ là báo cáo về thu nhập của một doanh nghiệp, được thể hiện bằng doanh thu trừ đi chi phí trong năm. Phải đảm bảo rằng bạn nắm vững cấu trúc và các khoản mục của báo cáo này.

**15** Hãy kiểm tra xem các chính sách kế toán thể hiện việc lợi nhuận được tính toán như thế nào.

### GHI NHẬN QUÁ KHỨ

**16** Cần nhớ rằng chỉ những khoản mục "doanh thu" mới xuất hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một "cuốn sách lịch sử" ghi nhận lại hoạt động kinh doanh của năm trước. Nó cho biết tình hình hoạt động của một doanh nghiệp, liệt kê những khoản "thu trừ chi", hay doanh thu trừ chi phí. Dựa trên nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí, chỉ những khoản phát sinh trong năm mới được ghi nhận. Đó phải là những mục mang bản chất "doanh thu" (hàng hóa, dịch vụ và khoản chi tiêu hàng năm nói chung), không bao giờ là những mục mang bản chất "vốn" (mua, bán tài sản cố định, ví như thiết bị hay máy móc).

## ĐỌC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện các hình thức lợi nhuận khác nhau. Trước tiên là lợi nhuận gộp: doanh thu (đôi khi còn được gọi là doanh thu gộp) trừ đi giá vốn hàng bán (là chi phí cung cấp hàng hóa và dịch vụ). Kế đó là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: lợi nhuận gộp trừ đi tổng chi phí cho cơ sở hạ tầng và quản lý doanh nghiệp. Lợi nhuận trước thuế bằng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trừ đi tiền lãi trả cho các khoản vay nợ trong năm, cộng với tiền lãi nhận được. Lợi nhuận sau thuế được tính bằng cách trừ đi các khoản thuế phải trả cho hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi tức khấu lưu là lợi nhuận sau thuế trừ đi cổ tức chi trả cho các cổ đông.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM TRƯỚC ĐÂY
Doanh thu	2200	2050
Giá vốn hàng bán	1700	1600
Tổng lợi nhuận	500	450
<b>Chi phí hoạt động</b>		
Chi phí văn phòng phẩm	46	42
Chi phí nợ kho dồi	24	20
Tiền thuê (nhà, đất)	15	14
Lương, thường	245	194
Chi phí tiếp thị	30	22
Chi phí phân phối	20	18
Chi phí điện nước	12	11
Khấu hao	45	35
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	437	356
<b>LÃI HOẠT ĐỘNG</b>		
Lãi phải trả	63	94
Chi phí bất thường	20	15
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	10	0
Thuế	33	79
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	7	16
Cổ tức	26	63
<b>LỢI TỨC KHẤU LƯU</b>	12	10
	14	53

## QUYẾT ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ Ý NGHĨA

Những khoản mục của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải được kiểm tra xem có thỏa mãn nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí hay không, nhưng thỉnh thoảng cũng rất khó quyết định là nên đưa vào doanh thu hay chi phí. Ví dụ như có nên ghi nhận một hóa đơn bán hàng vào sổ sách kế toán nếu công việc chưa hoàn tất? Các kế toán viên sử dụng rất nhiều hướng dẫn để nhận biết những gì, khi nào và bao nhiêu để đưa ra những quyết định này. Những hướng dẫn đó là:

- **Tính hoàn tất:** liệu rằng công việc về cơ bản đã hoàn tất hay chưa?
- **Quyền sở hữu:** quyền sở hữu đã được chuyển từ người bán sang người mua chưa?
- **Phương pháp đo lường:** liệu lợi nhuận đã được tính toán chính xác và cẩn thận chưa?
- **Tính không thể hủy ngang:** khách hàng có thể hủy bỏ việc mua bán dẫn đến giảm lợi nhuận không?

### ▲ NHẬN BIẾT HÌNH THÚC CỦA BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Một báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thường được thể hiện thành bảng và cột để thể hiện mức lãi, lỗ của năm đó. Đây là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí.

17

Phai hiểu được những mục chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có ý nghĩa gì.

## NGHIÊN CỨU LỢI NHUẬN GỘP

**L**ợi nhuận gộp cung cấp thông tin cập nhật về tình hình hoạt động của một doanh nghiệp. Bạn cần biết những khoản chi nào được khấu trừ để tính lợi nhuận gộp và mức lợi nhuận gộp sẽ cho chúng ta biết được điều gì.

18

Cần nhớ rằng tỷ lệ lợi nhuận gộp không nên suy giảm.

19

Hay so sánh các báo cáo hàng năm của công ty với của các đối thủ cạnh tranh.

20

Nên hiểu rằng lợi nhuận gộp đánh giá khả năng tồn tại và phát triển cơ bản của công ty.

### GHI NHẬN DOANH THU

Mục đầu tiên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận khối lượng hoạt động tổng quát của doanh nghiệp và được gọi là doanh thu, hay thu nhập. Nó bao gồm tất cả những hóa đơn bán hàng trong suốt tài khóa nhất định, phải đáp ứng các tiêu chuẩn về nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí để có thể được đưa vào báo cáo. Tất cả những hóa đơn này đã được trừ đi các khoản thuế liên quan đến bán hàng (vì các khoản thuế này là của cơ quan thuế chứ không thuộc doanh nghiệp).

#### ▼ XEM XÉT LỢI NHUẬN GỘP

Ba dòng đầu tiên của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện một cách rõ ràng các hoạt động cơ bản của một doanh nghiệp. Qua đó, chúng ta thấy được tình hình hoạt động của công ty.

BẢNG KÊ KHAI LÃI - LỖ

	Hiện tại	Trước đây
Doanh thu	2.200	2.050
Giá vốn hàng bán	1.700	1.600
LÃI GỘP	500	450

Con số của kỳ trước được ghi lại để so sánh với kết quả của kỳ này

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	
Chi phí văn phòng phẩm	46
Chi phí nợ khó đòi	24
Tiền thuê (nhà, đất...)	15
Lương, thưởng	245

Lợi nhuận gộp là kết quả chính của một doanh nghiệp, và là số liệu đầu tiên mà các nhà đầu tư và người chủ quan tâm đến

## KHẨU TRỪ GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Có hai loại chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, những chi phí này được khấu trừ một cách riêng biệt. Loại thứ nhất được gọi là giá vốn hàng bán, tức là những chi phí để sản xuất hàng hóa và dịch vụ để đem bán, thông thường bao gồm nguyên vật liệu, đội ngũ sản xuất, cơ sở sản xuất và chi phí máy móc – nói chung là chi phí tại nhà máy.

### NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Tỷ lệ lợi nhuận gộp giữa các doanh nghiệp có thể khác nhau rất nhiều.
- "Hiện tượng bận rộn già tạo" ở các doanh nghiệp xảy ra khi các doanh nghiệp gia tăng hoạt động bán hàng, nhưng lợi nhuận trên thực tế không tăng.
- Tỷ lệ lợi nhuận gộp là công cụ so sánh hữu ích nhất giữa các doanh nghiệp.

21

Hay xem xét không chỉ các số liệu mà cả loại hình và cơ cấu của công ty đó.

## CÁCH TÍNH LỢI NHUẬN GỘP

Tổng thu nhập, hay còn gọi là tổng doanh thu, là một dấu hiệu quan trọng cho thấy khả năng tồn tại của doanh nghiệp. Trong khi đó, lợi nhuận gộp (là toàn bộ doanh thu sau khi đã trừ đi giá vốn hàng bán) lại cung cấp thông tin về hiệu quả hoạt động của nó. Kết quả này thường được thể hiện ở dạng tỷ lệ phần trăm doanh thu. Do mỗi doanh nghiệp có giá vốn hàng bán khác nhau nên tỷ lệ lợi nhuận gộp của họ cũng khác nhau. Vì vậy, khi nghiên cứu, chúng ta phải xem xét chúng trong mối liên hệ với loại hình doanh nghiệp.

### PERFECT PRINTERS

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Hiện tại	%	Trước đây	%
Doanh thu	2.200	100,0	2.050	100,0
Giá vốn hàng bán	600	27,3	560	27,3
Lãi gộp	1.600	72,7	1.490	72,7

### SUN TRAVEL AGENCY

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Hiện tại	%	Trước đây	%
Doanh thu	2.200	100,0	2.050	100,0
Giá vốn hàng bán	1.950	88,6	1.825	89,0
Lãi gộp	250	11,4	225	11,0

### ▲ SO SÁNH TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP

Tỷ lệ lợi nhuận gộp sẽ rất khác nhau giữa các loại công ty, những doanh nghiệp có giá vốn hàng bán cao như siêu thị hay công ty du lịch sẽ có tỷ lệ lợi nhuận gộp thấp. Trái lại, một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán thấp hơn so với mức thông thường sẽ có mức lợi nhuận gộp cao hơn mức trung bình.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp đối với giá vốn hàng bán thấp thường dao động từ 50% đến 90%, trong khi đó đối với giá vốn hàng bán cao hiếm khi vượt quá 10%

## XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**D**òng thứ hai của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh; nó phản ánh chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi tất cả các chi phí hoạt động khác. Hãy xác định chi phí nào sẽ đưa vào để có thể đi đến kết luận chính xác về tình hình quản lý của công ty.

22

Hãy xem xét chi phí hoạt động để đánh giá hiệu quả quản lý.

23

Hãy xét xu hướng của các khoản chi phí để dự báo những vấn đề có thể xảy ra trong tương lai.

### TÍNH TOÁN LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là số còn lại sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí khác trong doanh nghiệp. Nó thường được thể hiện bằng số phần trăm trên doanh thu.

Doanh thu		
Giá vốn hàng bán	1700	1600
<b>TỔNG LỢI NHUẬN</b>	<b>500</b>	<b>450</b>
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí văn phòng phẩm	46	42
Chi phí thu hồi nợ khó đòi	24	20
Tiền thuê (nhà, đất)	15	14
Lương, thưởng	245	194
Chi phí tiếp thị	30	22
Chi phí phân phối	20	18
Chi phí điện nước	12	11
Khấu hao	45	35
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>437</b>	<b>356</b>
LÀI HOẠT ĐỘNG	63	94

### KHẨU TRỪ ĐI CÁC CHI PHÍ KHÁC

Loại chi phí thứ hai trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được khấu trừ để tính lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, hay còn gọi là chi phí hoạt động. Chúng bao gồm tất cả những khoản phí chưa được liệt kê trong danh mục giá vốn hàng bán. Chi phí bán hàng bao gồm chi phí cho tiếp thị và quảng cáo trong quá trình bán hàng. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí cho trụ sở chính, kế toán, công nghệ thông tin, tiếp thị, đội ngũ nhân viên, giám đốc và những khoản phí quan trọng khác. Tất cả các chi phí phải

thuộc một trong hai loại: giá vốn hàng bán hoặc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được trừ đi từ lợi nhuận gộp*

*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa trừ thuế, tiền lãi và cổ tức*

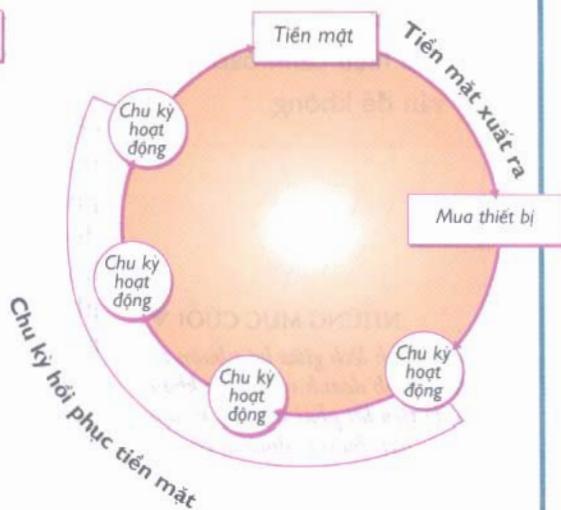
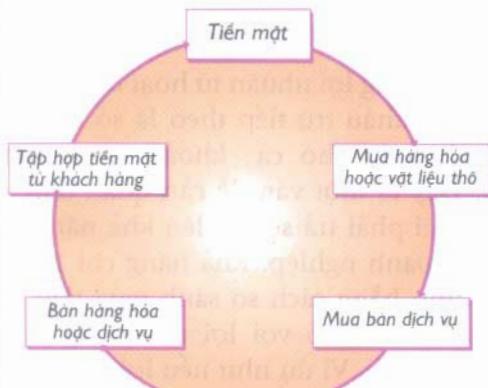
## TÌM HIỂU NHỮNG CHU KỲ KHÁC NHAU

Tất cả các doanh nghiệp đều có hai chu kỳ: chu kỳ sản xuất kinh doanh và chu kỳ đầu tư vốn. Chu kỳ sản xuất kinh doanh rất rõ ràng: doanh nghiệp mua hàng hóa dịch vụ và bán lại để thu lợi nhuận. Trái lại, chu kỳ đầu tư vốn ghi lại số vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp từ nhà xưởng,

công cụ, máy móc để một doanh nghiệp có thể thực hiện việc sản xuất kinh doanh. Thường thì cần phải có nhiều chu kỳ kinh doanh để cung cấp vốn cho chu kỳ đầu tư. Sổ sách kế toán đơn giản chỉ phản ánh số tiền đã được chi tiêu cho hai chu kỳ này của doanh nghiệp vào bất kỳ thời điểm nào.

### ▼ XEM XÉT CHU KỲ ĐẦU TƯ VỐN

*Đầu tư vốn, hay việc mua những thiết bị "một lần" cần thiết để doanh nghiệp có thể hoạt động sản xuất kinh doanh, cần một lượng tiền khá lớn. Vì vậy, cần phải có nhiều chu kỳ kinh doanh mới có thể cấp đủ vốn cho một chu kỳ đầu tư.*



### ▲ XEM XÉT CHU KỲ KINH DOANH

*Một chu kỳ kinh doanh liên quan đến quá trình mua vào hàng hóa và dịch vụ (thường là trả chậm) và bán lại (cũng trả chậm). Tiền mặt được chi trả cho nhà cung cấp và nhận được từ khách hàng.*

## CỘNG TÙNG PHẦN

Khi lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, ta được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Đây là mục cuối của nửa phần đầu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thường được thể hiện bằng số phần trăm trên doanh thu - thường dao động từ 0 đến 10 %.

24

Hãy thử so sánh tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giữa các doanh nghiệp.

## ĐÁNH GIÁ NHỮNG MỤC CUỐI

**P**hần thứ hai trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, cho đến tận những mục cuối, là các chi phí khác như thuế và tiền lãi. Cần phải hiểu được cách diễn đạt các khoản mục này vì ý nghĩa về mặt tài chính của chúng rất quan trọng.

**25**

Hãy xem xét khả năng của công ty trong việc thanh toán tiền lãi.

**26**

Kiểm tra xem các chi phí thanh toán một lần có phải là dấu hiệu cảnh báo vấn đề không.

### XEM XÉT KHOẢN MỤC TIỀN LÃI

Ở phía dưới dòng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, phần khấu trừ tiếp theo là số tiền lãi phải thanh toán cho các khoản vay mượn trong kỳ. Đây là một vấn đề cần quan tâm vì lượng tiền lãi phải trả sẽ nói lên khả năng tài chính của doanh nghiệp. Khả năng chi trả có thể được tính bằng cách so sánh giữa tiền lãi phải trả của năm đó với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Ví dụ như nếu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 63 USD và số tiền lãi phải thanh toán là 20 USD như vậy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lớn gấp ba lần số tiền lãi phải trả. Không có một tiêu chuẩn tuyệt đối nào cho vấn đề này; nó phụ thuộc vào xu hướng lãi suất thay đổi hàng năm.

### NHỮNG MỤC CUỐI ▼

Khoản chênh lệch giữa lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi tức khấu lưu là do tiền lãi phải trả, các khoản mục bất thường, thuế và cổ tức.

#### TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

LÃI HOẠT ĐỘNG	63	94
Lãi phải trả	20	15
Chi phí bất thường	10	0
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>33</b>	<b>79</b>
Thuế	7	16
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>26</b>	<b>63</b>
Cổ tức	12	10
<b>LỢI TỨC KHẤU LƯU</b>	<b>14</b>	<b>53</b>

Lợi nhuận sau thuế là khoản lợi nhuận của các cổ đông sau khi đã trừ đi các khoản tiền lãi, chi phí bất thường và thuế

Sau khi trả cổ tức cho các cổ đông, doanh nghiệp sẽ tài đầu tư khoản lợi tức khấu lưu

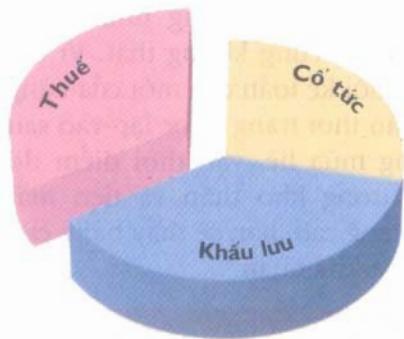
### XEM XÉT CÁC KHOẢN PHÍ BẤT THƯỜNG

Dùi khi, bạn sẽ gặp những khoản mục chỉ xuất hiện một lần duy nhất, không có bản chất lặp lại, và thường được thể hiện riêng biệt với các số liệu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận gộp nhằm tránh bóp méo số liệu. Những khoản mục này được gọi là những khoản bất thường và thường bao gồm cả các khoản tiền dự

phòng cho các sự kiện quan trọng trong tương lai của doanh nghiệp (mặc dù được ghi vào sổ sách hiện tại), biến động ngoại tệ, lãi lỗ trong việc bán tài sản hay doanh nghiệp và các khoản lương hưu. Hãy đánh giá xem những khoản chi phí trên có hợp lý hay có biểu hiện khó khăn nào không.

### XEM XÉT VẤN ĐỀ THUẾ

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trừ đi tiền lãi sẽ trở thành lợi nhuận trước thuế và khoản này phải chịu chịu thuế. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp chi tiết các khoản thuế về lợi nhuận phải trả trong năm đó. Số thuế này chưa phải là đã thanh toán đầy đủ cho cơ quan thuế mà chỉ là con số dự báo mà thôi. Lợi nhuận trước thuế sẽ được trừ đi các khoản thuế để tính được lợi nhuận sau thuế, khoản này trên nguyên tắc thuộc về các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế cũng là cơ sở cho việc tính toán lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu.



#### ▲ CHIA LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

*Đối với một công ty được niêm yết, lợi nhuận trước thuế được chia thành 3 phần. Một phần ba là thuế (thường tỷ lệ thuế của các công ty xấp xỉ 30%), một phần ba được trả cho các cổ đông dưới hình thức cổ tức, và một phần ba còn lại là lợi nhuận giữ lại dành cho doanh nghiệp.*

27

Hãy kiểm tra lại hóa đơn thuế xem có đúng với tỉ lệ thuế dự kiến không.

28

Hãy nhận định xu hướng của lợi tức khấu lưu để xem như thế có đủ không.

### XÁC ĐỊNH LỢI TỨC KHẤU LUU

Dòng cuối cùng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi cổ tức chia cho các cổ đông là lợi tức khấu lưu. Đó là khoản lợi nhuận giữ lại của mỗi doanh nghiệp để đầu tư phát triển. Hãy luôn ghi nhớ rằng lợi nhuận sẽ giúp bảng cân đối kế toán tăng lên, vì thế số lợi nhuận để lại phải tương ứng với số tăng lên trong bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, trong những công ty lớn, điều này có thể không thấy được do những kỹ thuật thay đổi. Có thể bạn không tìm thấy lợi tức khấu lưu được ghi lại ở đâu, nhưng hy vọng là đối với các doanh nghiệp làm ăn thành công, nó sẽ ở dưới dạng tiền mặt chứ không phải dưới dạng tài sản kém lưu động, chẳng hạn như hàng tồn kho.

# TÌM HIỂU BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán là bảng liệt kê tài sản của doanh nghiệp trừ đi các khoản nợ. Hãy tìm hiểu cấu trúc của báo cáo tài chính quan trọng này và học cách diễn giải các số liệu để giúp bạn có được một bức tranh toàn cảnh về tổng tài sản thuần của một công ty.

29

Hãy xem bảng cân đối kế toán như một bức tranh toàn cảnh chụp từ trên cao xuống.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM TRƯỚC ĐÂY
Tài sản cố định		
Tài sản hữu hình	170	150
Tài sản vô hình	10	10
Mức đầu tư	5	5
Tổng tài sản cố định	185	165
Tài sản lưu động		
Hàng tồn kho	208	185
Nợ phải thu	337	254
Khoản khác	18	16
Tiền mặt	2	10
Tổng tài sản lưu động	565	465
Các khoản nợ ngắn hạn		
Nợ phải trả	80	109
Chi phí cộng dồn	20	18
Có tức phải trả	12	10
Thuế	7	16
Khoản rút quá số dư tài khoản	60	0
Tổng các khoản nợ ngắn hạn	179	153
Các khoản nợ dài hạn		

## TÌM HIỂU KẾT CẤU BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán cho bạn biết hiệu quả tài chính hiện tại của một doanh nghiệp. Nó có thể được so sánh như một hình ảnh toàn cảnh của một doanh nghiệp trong một ngày cụ thể. Vì thế, nó chỉ phản ánh thông tin chính xác chỉ đối với giây phút đó mà thôi. Bức tranh đó sẽ phản ánh tất cả những gì doanh nghiệp sở hữu, tức là tài sản và tất cả những khoản nợ của nó. Hàng năm, bảng cân đối kế toán này sẽ được lập cùng thời điểm với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nhưng nhớ rằng những bức tranh này đòi hỏi khi cũng không thật. Ví dụ, nếu bảng cân đối kế toán của một cửa hàng bán lẻ quần áo thời trang được lập vào sau đợt bán hàng mùa hè, vào thời điểm đó lượng hàng trong kho thấp và tiền mặt trong ngân hàng cao, bạn sẽ thấy bảng cân đối kế toán rất khả quan.

### ĐỌC BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán liệt kê tài sản và các khoản nợ, so sánh số liệu trong kỳ và số liệu kỳ trước, được nhóm thành những mục và tiêu mục có ý nghĩa, thể hiện hoạt động về mặt tài chính của một doanh nghiệp.

### NHỮNG CÂU HỎI CHO CHỊU BẢN

- ? Báo cáo tài chính cuối năm có phù hợp với bản chất hoạt động của doanh nghiệp hàng năm không?
- ? Sự thay đổi về ngày lập báo cáo kế toán có ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán không?
- ? Có những thay đổi lớn nào giữa các tổng số hàng năm không?
- ? Các tài sản tính theo thời giá đã được định giá đúng chưa?

## NHÓM CÁC SỐ LIỆU

Bảng cân đối kế toán được chia thành các mục tuân theo những nguyên tắc kế toán chặt chẽ. Mục thứ nhất ghi lại tất cả tài sản doanh nghiệp và được chia thành tài sản cố định (dài hạn) và tài sản lưu động (ngắn hạn). Mục thứ hai ghi lại các khoản nợ (và cũng được chia thành nợ dài hạn và ngắn hạn). Mục thứ ba ghi lại vốn của các cổ đông hoặc số tiền do chủ sở hữu doanh nghiệp đầu tư vào kinh doanh.



### SỬ DỤNG ▲ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Điều quan trọng đối với một giám đốc là xem xét, hiểu và hành động dựa trên bảng cân đối kế toán. Theo cách đó, bạn có thể đưa ra những quyết định tài chính có chất lượng tốt hơn.

**31** Cần nhớ rằng bảng cân đối kế toán thể hiện chi phí chứ không thể hiện giá trị kinh doanh.

**30**

Hãy tìm hiểu tầm quan trọng của cách nhóm các số liệu về các khoản nợ và tài sản.

## DIỄN GIẢI CON SỐ TỔNG

Tất cả tài sản cũng như các khoản nợ đưa vào bảng cân đối kế toán theo quy tắc kế toán thông thường hay còn gọi là quy tắc chỉ phí lịch sử, có nghĩa là nó thể hiện các phí tổn gốc. Bảng cân đối kế toán thể hiện tổng số tài sản ròng có được bằng cách cộng giá trị tất cả tài sản trừ đi tổng các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn. Cần nhớ rằng một bảng cân đối kế toán thông thường chỉ thể hiện chi phí chứ không nói lên trị giá kinh doanh của một công ty. Nó chỉ đơn thuần cung cấp những thông tin trung thực nhất, tuy nhiên vẫn còn có những quan niệm sai lầm khá phổ biến.

## TÌM HIỂU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được công ty sử dụng thường xuyên để tạo ra của cải cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất thông thường. Hãy học cách nhận biết ba loại tài sản cố định (hữu hình, vô hình và vốn đầu tư) và hiểu được khái niệm khái hao.

32

Hãy kiểm tra bất cứ sự gia tăng đáng kể nào của những tài sản cố định khác thường.

33

Hãy xem xét kỹ lưỡng bất kỳ tài sản nào được thể hiện ở giá trị hiện tại.

### HIỂU RỘ VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ▼

Tài sản cố định bao gồm tài sản vô hình, hữu hình và vốn đầu tư trong một thời gian dài. Chúng được liệt kê theo mức độ thường xuyên xuất hiện. Số tiền được ghi nhận là số sau khi khấu hao.

### NHẬN BIẾT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cần cho một doanh nghiệp để hoạt động sản xuất kinh doanh được gọi là tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình có vòng đời hơn 12 tháng (nếu không thì sẽ được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh). Chi phí để mua tài sản cố định được gọi là chi phí vốn, thể hiện số tiền đầu tư vào cơ sở của doanh nghiệp để thực hiện việc sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định điển hình gồm có: đất đai, nhà cửa, trang thiết bị, máy móc, máy tính, đồ đạc, thiết bị cố định và phương tiện vận chuyển. Các doanh nghiệp sản xuất có nhiều tài sản cố định và cần nhiều vốn; trong khi đó, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có ít tài sản cố định và không cần nhiều vốn.

### BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

	THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM TRƯỚC ĐÂY
<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>		
Tài sản hữu hình	170	150
Tài sản vô hình	10	10
Đầu tư	5	5
<b>TỔNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>185</b>	<b>165</b>

Tổng tài sản cố định  
thể hiện số tiền đầu  
tư để doanh nghiệp  
tiến hành hoạt động  
kinh doanh

	2008	2007
<b>TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>		
Hàng tồn kho	208	185
Nợ phải thu	337	254
Những khoản khác	18	16
Tiền mặt	2	10
<b>TỔNG TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>565</b>	<b>465</b>

## PHÂN TÍCH KHẨU HAO

Tài sản cố định được thể hiện là chi phí vốn trừ đi khấu hao, được gọi là giá trị trên sổ sách. Khấu hao ghi giảm giá trị tài sản (trừ đi giá trị còn lại theo dự kiến thường giả định là bằng 0) trong suốt vòng đời của nó. Ví dụ như, một chiếc máy tính trị giá 900 USD và có giá trị sử dụng trong 3 năm. Như vậy, mỗi năm nó sẽ được khấu hao 300 USD, sau 1 năm nó sẽ được ghi giảm xuống còn 600 USD, sau 2 năm là 300 USD và sau 3 năm là còn 0 USD. Khấu hao này là để chia đều giá trị của tài sản cố định trong suốt vòng đời của nó, khấu hao không phải là làm giảm giá trị của tài sản, cũng không phải là cung cấp nguồn vốn để thay thế chúng.

34

Nên nhớ rằng tuổi thọ của tài sản và tỷ lệ khấu hao phải tương xứng với nhau.

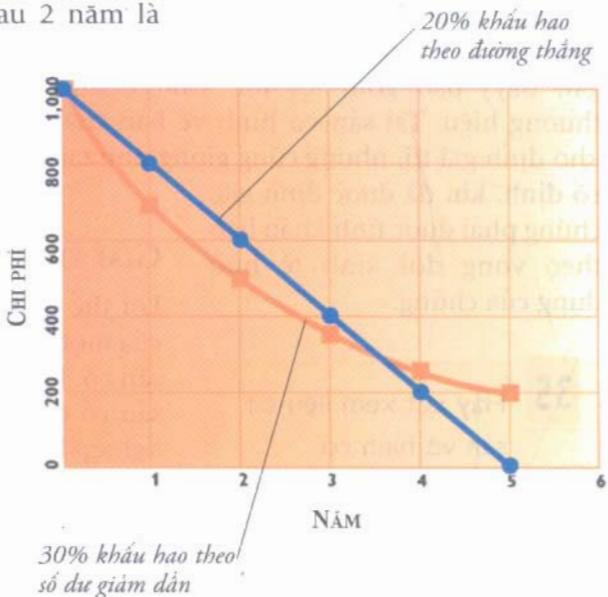
### KHẨU HAO ĐÚNG ▼

Vòng đời kinh tế hữu ích của một tài sản thường được khấu hao hết sau một số năm. Tuy nhiên, với một chiếc máy bay, số giờ đã bay được xem là yếu tố quyết định tốt hơn về tuổi thọ của nó.



### ▼ TỈNH KHẨU HAO

Với phương pháp khấu hao đường thẳng, một chiếc máy tính có thể được ghi giảm một số tiền bằng nhau hàng năm trong suốt thời gian khấu hao. Sử dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần, khấu hao của một chiếc xe có thể được tính lại hàng năm dựa trên giá trị trên sổ sách (hay giá trị còn lại) cho đến ngày đó.



### XÁC ĐỊNH TỶ LỆ KHẨU HAO

Thời gian khấu hao hay tỷ lệ khấu hao của từng tài sản được doanh nghiệp xác định. Vì vậy, mặc dù các công ty khác nhau có cùng một mức lợi nhuận, nhưng do tỷ lệ khấu hao của các công ty khác nhau nên các công ty đó sẽ có mức lợi nhuận khác nhau. Ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần, còn có rất nhiều phương pháp khác được áp dụng dựa trên các nguyên tắc thông thường và được chấp nhận rộng rãi.

## ĐỊNH NGHĨA TÀI SẢN VÔ HÌNH

Phần lớn tài sản cố định là tài sản hữu hình và có thực; nói cách khác chúng là những vật thể hiện hữu và có thể chạm vào được. Tuy nhiên, các bảng cân đối kế toán thừa nhận rằng có những tài sản dài hạn không phải là tài sản hữu hình. Có hai loại tài sản vô hình chính: truyền thống và hiện đại. Các loại truyền thống bao gồm bằng sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kinh doanh, và tài sản vô hình hiện đại (hay là những tài sản trở nên thông dụng gần đây) bao gồm lợi thế kinh doanh và thương hiệu. Tài sản vô hình về bản chất rất khó định giá trị, nhưng cũng giống như tài sản cố định, khi đã được định giá, chúng phải được tính khấu hao theo vòng đời kinh tế hữu dụng của chúng.

35

Hãy xét xem liệu tài sản vô hình có chiếm một tỷ lệ hợp lý trong bảng cân đối kế toán hay không.

*Giá mua được xác định do thỏa thuận giữa hai bên*

### BẢNG THUYẾT MINH KẾ TOÁN

CÔNG TY	A	B	C
Tổng số trả cho công ty	155	15	23
Giá trị thật của tài sản yêu cầu	95	2	-2
Lợi thế kinh doanh	60	13	25

*Giá trị lợi thế kinh doanh tùy thuộc vào khái niệm của người mua về giá trị*

*Người mua muốn trả tiền để thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp mới mua*

### NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

- Có rất nhiều tài sản vô hình đã được đưa vào sổ sách trong nhiều năm mà không gây ra vấn đề gì.
- Lợi thế kinh doanh không gì khác hơn là con số cần phải đưa vào để cân bằng trong bảng cân đối kế toán. Nó cũng có thể thể hiện những thứ có giá trị vô hình.
- Việc đưa giá trị thương hiệu vào trong bảng cân đối kế toán mang tính chủ quan và thường có thể gây ra tranh cãi.

## GIẢI THÍCH VỀ LỢI THẾ KINH DOANH

Lợi thế kinh doanh thường có nghĩa là giá trị của một danh tiếng tốt, uy tín và số khách hàng sẵn có. Lợi thế kinh doanh được thể hiện là tài sản cố định khi một công ty mua một doanh nghiệp khác với giá cao hơn giá trị tài sản của doanh nghiệp đó. Bất kỳ một doanh nghiệp uy tín nào cũng sẽ có giá trị cao hơn giá trị tài sản của nó, nhưng vấn đề nằm ở chỗ là làm thế nào để các tài khoản của người mua cân đối. Khi mua một doanh nghiệp với mức giá 10 USD mà tài sản của nó chỉ là 6 USD như vậy khoản chênh lệch 4 USD sẽ được gọi là lợi thế kinh doanh. Lợi thế kinh doanh được gọi là tài sản vô hình và sẽ được khấu hao trong suốt vòng đời kinh tế của nó.

### ◀ CÂN BẰNG SỐ SÁCH

*Đây là một phần trích từ bảng thuyết minh kế toán của một doanh nghiệp đã mua lại 3 công ty trong năm. Giá mua là giá trị của toàn bộ công ty chứ không chỉ là giá trị tài sản. Giá trị lợi thế kinh doanh của công ty là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá trị thực của tài sản.*

## TÌM HIỂU VỀ THƯƠNG HIỆU

Sự phát triển của xã hội đã làm cho người ta nhìn xa hơn khái niệm lợi thế kinh doanh, đó là khái niệm kế toán thương hiệu. Vấn đề là do một số doanh nghiệp không muốn thể hiện một khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, khi họ khấu hao lợi thế kinh doanh (có thể là vì số lợi nhuận của họ sẽ không đủ cho việc đó) hay vì họ không tin rằng tài sản đó cần phải khấu hao); do vậy, doanh nghiệp sẽ phân loại tài sản thành thương hiệu thay vì là lợi thế kinh doanh. Họ cho rằng bất kỳ chi tiêu nào cho tiếp thị và quảng cáo sẽ không làm giảm giá trị của thương hiệu; vì vậy nên không cần phải khấu hao.

## XEM XÉT CÁC KHOÁN ĐẦU TƯ

Loại thứ ba của tài sản cố định là các khoản đầu tư, bao gồm tiền và cổ phiếu ở ngoài công ty. Nó có thể là cổ phiếu đầu tư vào các công ty khác trong khoảng thời gian dài, các khoản đầu tư, hay bất kỳ tài sản nào sẽ được bán, nhưng không phải trong vòng 12 tháng tới. Chúng ta lại gặp phải vấn đề về chi phí ở đây. Ví dụ, cổ phiếu có nên được định giá theo giá gốc hay theo mức giá của thị trường chứng khoán ngày hôm đó. Thường thì cổ phiếu được đánh giá theo giá trị thị trường.

36

Kiểm tra xem có bất kỳ nhân hiệu nào bị giảm giá trị hay không.

### VÍ DỤ THỰC TẾ

Peter là giám đốc kinh doanh của một công ty bán bánh kẹo. Ông rất thất vọng vì lợi nhuận đã giảm mặc dầu doanh số tăng lên. Trong các báo cáo gần đây, Peter phát hiện ra rằng công ty đã khấu hao nhiều bởi vì công ty vừa mới mua thêm hai công ty khác. Vì tài sản của các doanh nghiệp mới đã được mua lại với giá cao hơn so với giá trị trên sổ sách, số

tiền mua cao hơn đó được gọi là lợi thế kinh doanh và sẽ được ghi giảm dần trong suốt vòng đời kinh tế của nó. Kết quả là lợi nhuận bị giảm do số khấu hao quá lớn. Peter đã nói chuyện với David, giám đốc tài chính và đề nghị rằng do quá nhiều tiền đã được sử dụng cho việc tiếp thị và quảng cáo nhằm quảng bá thương hiệu nên lợi thế kinh doanh được coi như thương hiệu. David đã đồng ý và lợi nhuận lại tăng trở lại.

### ▲ TRÁNH CHI PHÍ KHẤU HAO

Sự thông hiểu của Peter về vấn đề lợi thế kinh doanh và thương hiệu đã dẫn đến việc ông đề xuất với giám đốc tài chính một đề nghị rất khả thi. Khi phân loại lợi thế kinh doanh thành thương hiệu, David đã điều chỉnh được sổ sách kế toán của công ty và không có khấu hao hàng năm nữa. Kết quả là Peter vui vẻ nhận thấy rằng hoạt động kinh doanh của nhóm ông tăng lên đã được thể hiện qua mức lợi nhuận tăng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.

### NHỮNG CÂU HỎI CHO CHÍNH BAN

- ?
- Tất cả các tài sản cố định đã được thể hiện chính xác về giá trị và khấu hao hay chưa?
- ?
- Các con số có đủ để đầu tư trong tương lai chưa?

- ?
- Khi phân tích các con số, có nên bỏ qua bất kỳ tài sản vô hình nào hay không?
- ?
- Các khoản đầu tư đã được định giá và ghi nhận chính xác hay chưa?

## TÀI SẢN LUU ĐỘNG

**T**ài sản lưu động là tài sản ngắn hạn của một doanh nghiệp và có thể được chuyển thành tiền mặt trong vòng 12 tháng tới. Hãy học cách nhận biết 4 loại tài sản lưu động chính và hiểu được tại sao cần phải chuyển 3 loại tài sản đầu tiên thành tiền mặt thật nhanh chóng.

37

Hãy xem xét cẩn thận tài sản lưu động của doanh nghiệp, nó sẽ cho bạn biết được tình hình của một công ty.

38

Kiểm tra sự thay đổi tỷ lệ nợ vay trên doanh thu.

### ▼ TÌM HIỂU VỀ TÀI SẢN LUU ĐỘNG

Tài sản lưu động, hay những mục sẽ chuyển thành tiền mặt trong năm tới, bao gồm hàng tồn kho để bán lại, khoản nợ do bán chịu, những khoản linh tính trả trước và tiền mặt.

### LIỆT KÊ TÀI SẢN LUU ĐỘNG

Tài sản lưu động bao gồm tiền mặt và bất kỳ tài sản nào có thể chuyển thành tiền mặt trong vòng 12 tháng tới. Tài sản lưu động rất quan trọng vì nó cho biết lượng tiền mặt hay gần như tiền mặt của một công ty và vì thế nó thể hiện tình hình tài chính của một doanh nghiệp. Có 3 loại tài sản lưu động chính: hàng trong kho, khoản phải thu (những người mua hàng vẫn nợ tiền) và những tài sản khác, như tiền và những khoản trả trước. Ngoài ra còn có tiền mặt (nhận được khi những người thiếu nợ thanh toán hóa đơn và bao gồm cả tiền chi cho các khoản lặt vặt hoặc tiền có trong tài khoản ngân hàng và các khoản tiền đặt cọc ngắn hạn).

### TỔNG TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

185      165

TÀI SẢN LUU ĐỘNG		
Hàng tồn kho	208	185
Nợ phải thu	337	254
Khoản khác	18	16
Tiền mặt	2	10
<b>TỔNG TÀI SẢN LUU ĐỘNG</b>	<b>565</b>	<b>465</b>

CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN		
Nợ phải trả	80	109
Chi phí cộng dồn	20	18

Tài sản lưu động trong doanh nghiệp phải càng dễ chuyển đổi thành tiền (hoặc gần như tiền) càng tốt

## ĐỊNH NGHĨA VỀ HÀNG TỒN KHO

Có ba loại hàng trong kho: nguyên liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm. Vấn đề cần quan tâm đó là số tiền mặt tương đương với mỗi loại tài sản trong kho. Càng có nhiều nguyên liệu thô thì càng phải mất thời gian và chi phí để chuyển nó thành tiền mặt. Hàng thành phẩm là loại tài sản an toàn hơn vì nó dễ chuyển thành tiền hơn. Nói chung, hàng tồn kho là loại tài sản khó chuyển thành tiền nhất trong số các loại tài sản lưu động.

## ĐỊNH GIÁ HÀNG TỒN KHO

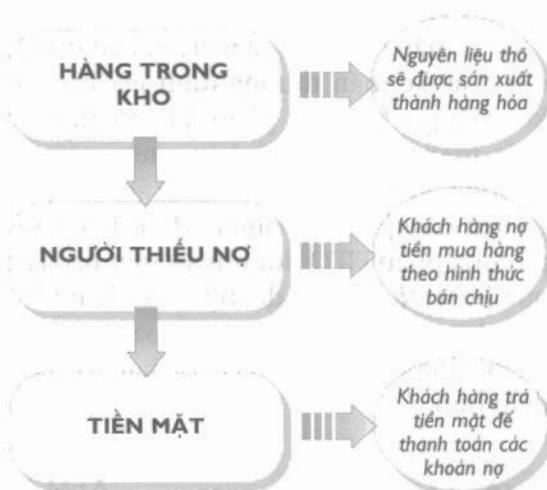
Hàng tồn kho thường được định giá theo chi phí bỏ ra mua hay theo giá thị trường (tùy theo cái nào thấp hơn), vì không nên định giá hàng tồn kho cao hơn giá trị thực. Chi phí là giá phải trả để mua hàng, giá thị trường là giá có thể bán được. Một hàng hóa được mua vào với giá 5 USD và giá bán ra là 20 USD sẽ có giá trị hàng tồn kho là 5 USD. Trong trường hợp chỉ bán được với giá 1 USD, như vậy giá trị của hàng tồn kho sẽ giảm đi 4 USD - và 4 USD này sẽ được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm đó. Càng có nhiều hàng tồn kho vào cuối năm thì giá vốn hàng hóa trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh càng thấp; vì vậy, lợi nhuận càng cao.

### NÊN VÀ KHÔNG NÊN

- Hãy xem清楚 những khoản tăng bất ngờ của hàng hóa tồn kho và các khoản nợ.
- Hãy luôn đặt câu hỏi về việc định giá hàng hóa tồn kho.

- Không nên nghĩ rằng có càng nhiều tài sản lưu động là những dấu hiệu tốt.
- Không nên bỏ qua các loại tài sản lưu động khác và những thông tin chúng cung cấp.

## HÃY NHÌN VÀO SỰ BIẾN ĐỘI CỦA TÀI SẢN THEO CHU KỲ KINH DOANH



39

Hãy đánh giá xem hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán có ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như thế nào.

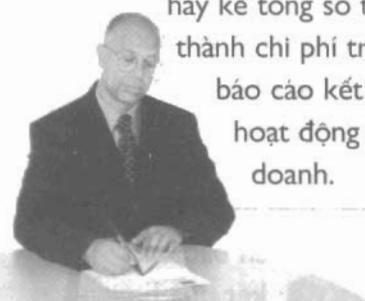


40

Nên nhớ rằng: hàng tồn kho chậm luân chuyển và lỗi thời là một vấn đề khá phổ biến.

## XÁC ĐỊNH HÀNG TỒN KHO

Giả định rằng giá của hàng tồn kho đang tăng, khi đó giá những nguyên liệu thô được mua sớm sẽ thấp hơn những nguyên liệu được mua sau. Các kế toán thường định giá hàng trong kho bằng 2 phương pháp: FIFO (nhập trước, xuất trước) và LIFO (nhập sau, xuất trước). Phương pháp được lựa chọn sẽ ảnh hưởng đến tài sản cũng như lợi nhuận được báo cáo. Với phương pháp FIFO, lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số liệu tồn kho cuối kỳ trên bảng cân đối kế toán sẽ cao hơn. Theo phương pháp LIFO, cả hai số này đều thấp hơn.



**42** Nếu có chúng cứ rằng  
một người mắc nợ  
không thể trả được,  
hãy kê tổng số tiền  
thành chi phí trên  
báo cáo kết quả  
hoạt động kinh  
doanh.

**41**

Kiểm tra tính chính xác của giá trị hàng tồn kho, không đưa vào các con số không chính xác.



## XEM XÉT CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu hay số tiền các khách hàng còn nợ do bán chịu là tài sản dễ chuyển thành tiền hơn tài sản tồn kho. Nó là tổng số tiền các hóa đơn chưa được thanh toán vào cuối tài khóa (đã phát hành nhưng chưa được thanh toán), và nó là số tiền mặt đang do khách hàng giữ. Các khoản nợ luôn là tài sản lưu động lớn nhất của doanh nghiệp và việc kiểm soát được chúng là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp. Phải luôn đảm bảo rằng khách hàng sẽ trả tiền đúng hẹn và đầy đủ.

### ĐỊNH NGHĨA KHẨU TRỪ TỪ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Không phải tất cả các khoản nợ phải thu đều sẽ được thanh toán cho các doanh nghiệp. Do vậy các kế toán phải tuân thủ nguyên tắc thận trọng và ghi nhận các số liệu phải mang tính thực tế. Họ luôn phải tính trước rằng sẽ có một số khoản nợ không được thanh toán và phải dự phòng cho việc đó. Khoản dự phòng nợ khó đòi, được dự kiến vào cuối năm, được trừ từ số nợ phải thu - được thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Số chênh

lệch giữa dự phòng của năm trước và năm nay sẽ trở thành chi phí bán hàng hay chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những khoản nợ khó đòi này sẽ ảnh hưởng đến sổ sách kế toán trong năm nếu khách hàng không thể thanh toán các khoản nợ. Khi đó, khoản nợ của họ sẽ bị hủy. Đây chính là chi phí nợ khó đòi và cũng là chi phí bán hàng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## XÁC ĐỊNH NHỮNG TÀI SẢN LUU ĐỘNG KHÁC

TÀI SẢN LUU ĐỘNG	NHỮNG ĐIỂM GHI NHỚ
TÀI SẢN SẮP DEM BÁN	Khi một tài sản cố định như đất đai sáp được đem bán, thì trên bảng kê khai kế toán nó sẽ đưa vào mục tài sản lưu động chứ không phải tài sản cố định vì nó sẽ được chuyển thành tiền mặt trong vòng một năm.
CÁC KHOẢN CHO MUỐN: Khoản ứng trước cho nhân viên	Khi một tổ chức cho các nhân viên hay giám đốc vay tiền, khoản tiền này sẽ được gọi là tài sản lưu động vì thường thì số tiền này sẽ được hoàn trả lại đầy đủ vào năm sau.
CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC	Khi hóa đơn được thanh toán trước, tiền đã được chi trả nhưng chi phí vẫn liên quan đến tài khóa tương lai, như vậy các khoản trả trước được gọi là tài sản lưu động.
CÁC KHOẢN KHÁC	Các khiếu nại bảo hiểm, hoàn thuế, đặt cọc, thanh toán nhận theo từng kỳ, các khoản thanh toán này sẽ được trả trong vòng một năm; vì thế chúng được gọi là tài sản lưu động.

### LIỆT KÊ CÁC TÀI SẢN KHÁC

Có những loại tài sản lưu động khác cũng rất quan trọng. Nguyên tắc để phân loại ở đây cũng là: các tài sản này phải được chuyển thành tiền mặt trong vòng 12 tháng tới. Các tài sản loại này là khoản nợ của những người khác ngoài khách hàng (như các khoản hoàn thuế), những khoản tiền trả trước (như tiền thuê nhà) về mặt lý thuyết là được hoàn trả lại.

43

Hãy xem tài sản lưu động của bạn như một loại tiền mặt, tạm thời do người khác nắm giữ.



44

Hãy xem xét chi tiết các biến động tiền mặt trong giai đoạn nghiên cứu.

### PHÂN LOẠI TIỀN MẶT

Loại tài sản lưu động luân chuyển tốt nhất là tiền mặt – dù ở ngân hàng hay trong tay doanh nghiệp. Tiền mặt là tất cả những tài sản lưu động, bao gồm: tiền trong ngân hàng, tại các cửa hàng hay trong các hộp tiền, vốn chi tiêu lặt vặt tại doanh nghiệp. Tiền dưới dạng đặt cọc hay bị giới hạn quyền sử dụng không phải là tiền mặt nên được phân loại như các tài sản lưu động khác.

## TÌM HIỂU CÁC KHOẢN NỢ

**N**ợ là những khoản phải trả trong tương lai vì những sự việc đã xảy ra. Chúng được phân loại thành nợ ngắn hạn (trong vòng 12 tháng) hoặc nợ dài hạn. Việc phân biệt được hai loại nợ là rất quan trọng.

**45**

Kiểm tra xem các khoản nợ của một doanh nghiệp có vượt quá tài sản của nó không.

**46** Đảm bảo rằng tất cả các khoản nợ có thể có đã được đưa vào.

### XEM XÉT NỢ NGẮN HẠN

Các khoản nợ ngắn hạn điển hình là những khoản nợ lớn như các chủ nợ (những doanh nghiệp cho nợ tiền mua hàng hóa) và số tiền rút quá số dư tại ngân hàng (phải hoàn trả khi có giấy đòi nợ). Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng không muốn để cho các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động. Tuy nhiên, nếu một doanh nghiệp sử dụng các chủ nợ như một nguồn tài trợ vốn thì việc này sẽ không có vấn đề gì, trừ khi doanh nghiệp đó không thể thanh toán các khoản nợ đó.

#### ▼ PHÂN CHIA NỢ

Nợ được chia ra thành các khoản nợ cho các nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai. Trên một số bảng cân đối kế toán, tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn thì ra tổng tài sản lưu động rộng rãi mới liệt kê đến các khoản nợ dài hạn.

#### TỔNG TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

		565	465
<b>Nợ NGẮN HẠN</b>			
Nợ phải trả	80	109	
Chi phí cộng dồn	20	18	
Cổ tức phải trả	12	10	
Thuế	7	16	
Khoản rút qua số dư tài khoản	60	0	
<b>TỔNG NỢ NGẮN HẠN</b>	<u>179</u>	<u>153</u>	
<b>Nợ DÀI HẠN</b>			
Vay ngắn hạn	15	30	
Vay thế chấp	25	30	
<b>TỔNG NỢ DÀI HẠN</b>	<u>40</u>	<u>60</u>	
<b>TỔNG TÀI SẢN NỢ</b>	<b>531</b>	<b>417</b>	

Nợ ngắn hạn được liệt kê theo tính dễ chuyển đổi thành tiền mặt

Khi lấy tổng tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn và dài hạn ta sẽ có tổng số cuối cùng của bảng cân đối kế toán

## XÁC ĐỊNH CÁC LOẠI NỢ NGẮN HẠN

NỢ NGẮN HẠN	NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý
KHOẢN NỢ PHÁI TRÀ Khoản nợ nhà cung cấp khi mua hàng	Khi mua một số hàng hóa và dịch vụ, người mua có thể nợ tiền, số tiền nợ nhà cung cấp được gọi là khoản nợ phải trả và thường phải thanh toán trong vòng 12 tháng.
THUẾ Số tiền nợ cơ quan thuế	Thuế đánh vào lợi nhuận, tiền lời do giá trị tài sản tăng lên, và các khoản thuế khác chưa được trả hết - đặc biệt nếu luật pháp không quy định phải trả ngay. Những khoản tiền nợ chưa thanh toán sẽ được ghi vào vào nợ ngắn hạn.
CỔ TỨC Số tiền phải trả cho cổ đông	Cổ tức được trả mỗi năm 2 lần, và lần trả thứ hai được thông báo nhưng chưa thanh toán. Đây là nợ ngắn hạn vì nó sẽ được trả trong vòng 12 tháng.
THUẾ MUỐN Số tiền nợ các công ty cho thuê hay thuê mua	Các khoản tiền nợ các công ty cho thuê hay thuê mua phải thanh toán trong vòng 12 tháng. Những khoản thanh toán định kỳ không nằm trong 12 tháng tới được ghi vào nợ dài hạn.
KHOẢN NỢ CỘNG ĐỒN Nợ nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	Những hóa đơn thông thường như hóa đơn điện thoại và điện, chi phí kế toán, kiểm toán, v.v..., dịch vụ đã được cung cấp nhưng chưa thanh toán... được liệt kê trong mục nợ cộng đồng
KHOẢN NỢ NGẮN HẠN Những khoản phải trả cho ngắn hạn hay cho những nhà cung cấp tài chính	Một khoản tiền rút vượt quá số dư ngân hàng cũng có thể được coi là nợ ngắn hạn. Một khoản tiền phải trả cho một khoản nợ dài hạn trong vòng 12 tháng tới cũng được gọi là nợ ngắn hạn.

## NHẬN DẠNG CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN

Những khoản phải trả có thời hạn phải thanh toán quá một năm kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán được gọi là nợ dài hạn. Đó là những khoản nợ và vay dài hạn, khoản cầm cố, những công cụ huy động tiền như trái phiếu công ty. Những khoản dự phòng được lấy từ lợi nhuận năm nay để thanh toán cho những việc trong tương lai cũng là những khoản nợ dài hạn. Việc phân chia thành các khoản nợ dài hạn và ngắn hạn chính là để xem xét khả năng thanh toán những khoản nợ phải trả ngay của công ty.

### NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Y

- Nợ là khoản tiền doanh nghiệp chưa thanh toán cho những giao dịch đã phát sinh.
- Tất cả các khoản nợ dài hạn sẽ trở thành nợ ngắn hạn và rồi sẽ phải được thanh toán.
- Bất kỳ sự tăng khoản nợ nào cũng phải có những lý do chính đáng, như tăng lượng kinh doanh hoặc để mua tài sản cố định.

# PHÂN TÍCH NGUỒN VỐN CỔ ĐÔNG

**P**hần này trong bảng cân đối kế toán thể hiện nguồn vốn các cổ đông đầu tư vào công ty. Vì thế, nó cân bằng với tổng tài sản thuần hay tổng số của bảng cân đối kế toán. Bạn có thể hiểu được số tiền được đầu tư thể hiện trên bảng cân đối kế toán đến từ đâu.

47

Nên nhớ rằng:  
nguồn vốn đầu tư  
của các cổ đông  
luôn có tính mạo  
hiểm.

48

Hãy nghiên cứu các khoản khấu lưu để biết được mức sinh lợi trong quá khứ.

## NGUỒN VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần thực chất là số vốn mà các cổ đông đầu tư vào công ty với số tiền hoàn lại được đảm bảo hoặc cũng có thể không được đảm bảo. Khi một công ty tăng vốn cổ phần lên 1 triệu USD, khi đó tài khoản vốn cổ phần và tài khoản ngân hàng sẽ tăng lên 1 triệu USD tương ứng nhau.

## TÌM HIỂU LỢI TỨC KHẤU LUU

Nguồn quan trọng thứ hai của nguồn vốn cổ đông là lợi tức khấu lưu. Được tính toán và thể hiện trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, đây là con số lợi nhuận được giữ lại, tích lũy hàng năm kể từ khi công ty thành lập. Lợi tức khấu lưu là khoản tiền quan trọng nhất để cấp vốn cho hoạt động của một công ty.

### ▼ TÌNH TOÁN NGUỒN VỐN CỔ ĐÔNG

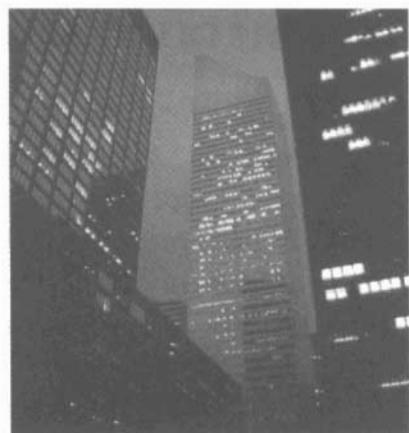
Phản này của bảng cân đối kế toán cho biết nguồn tiền của một doanh nghiệp có từ đâu và thường bao gồm vốn cổ đông, lợi tức khấu lưu và khoản dự phòng nghiệp vụ.

Tổng vốn cổ phần và các khoản dự phòng phải tương đương với tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán trừ đi các khoản ng

Vốn cổ đông		
Vốn cổ phần	220	120
Lợi tức khấu lưu	301	287
Khoản dự phòng nghiệp vụ	10	10
<b>TỔNG NGUỒN VỐN CỔ ĐÔNG</b>	<b>531</b>	<b>417</b>

## ĐỊNH NGHĨA VỀ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Trên bảng cân đối kế toán có những khoản dự phòng nghiệp vụ. Có hai loại thông dụng nhất là cổ phiếu vượt giá và khoản dự phòng đánh giá lại. Cổ phiếu vượt giá là kết quả việc bán cổ phiếu với giá cao hơn giá trị danh nghĩa. Ví dụ như khi cổ phiếu có giá trị là 1 USD được bán với giá 5 USD, khi đó nó đã được bán cao hơn giá trị 4 USD. Phần vượt giá này không phải là lợi tức khấu lưu bởi vì nó không được thực hiện trong quá trình kinh doanh; do vậy, nó được ghi riêng ra thành phần dự phòng. Khoản dự phòng đánh giá lại xuất hiện khi công ty đánh giá lại tài sản (như là bất động sản) để thể hiện trị giá hiện tại của tài sản chứ không phải là trị giá ban đầu. Do không thu được lợi nhuận và chỉ đơn thuần là quá trình định giá lại nên nó không được xem là lợi tức khấu lưu.



### ▲ ĐỊNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

*Đôi khi một doanh nghiệp sẽ định giá lại tài sản của nó, ví dụ như các tòa nhà cao tầng, với giá cao hơn giá trị gốc. Và khoản chênh lệch này sẽ được ghi lại trong khoản dự phòng. Nó thông báo với những người đọc sổ sách kế toán rằng lợi nhuận có tồn tại nhưng không thể phân chia được vì thực ra không thu được lãi.*

## HÃY NHÌN VÀO CÁC BÁO CÁO THUYẾT MINH

Mặc dù trên nguyên tắc, lợi tức khấu lưu phải cân bằng với mức tăng trên bảng cân đối kế toán, nhưng thường thì có quá nhiều thông tin nên cần có một báo cáo thuyết minh để làm rõ các vấn đề. Bản báo cáo này ghi rõ những khoản lời và lỗ, những biến động về nguồn vốn cổ đông, và thể hiện sự liên quan giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán. Ngoài việc ghi lại chi tiết các khoản lợi tức khấu

lưu trong năm, bản báo cáo này có thể cho biết chi tiết các khoản lãi và lỗ do các biến động tiền tệ trên tài sản nước ngoài, việc phát hành thêm vốn cổ phiếu và các vấn đề nghiệp vụ khác. Nhìn chung, nguồn vốn cổ đông thể hiện số tiền cổ đông quyết định để lại cho hoạt động của doanh nghiệp và chịu tất cả hiểm nguy nếu doanh nghiệp đó thất bại.



### KIỂM TRA ĐỂ LÀM RỘ ▶

*Yêu cầu một kế toán hướng dẫn bạn xem báo cáo thuyết minh, chỉ ra tại sao nguồn vốn cổ đông đã tăng trong năm.*

# SỬ DỤNG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

**B**áo cáo lưu chuyển tiền tệ là chìa khóa để hiểu tiền mặt – huyết mạch của một doanh nghiệp – được quản lý hiệu quả như thế nào. Cần chú trọng đến bảng báo cáo này bởi vì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán chỉ có thể đưa ra một phần của bức tranh về hoạt động của doanh nghiệp.

**50**

Cần lưu ý rằng lợi nhuận không dùng để trả nợ – chỉ có tiền mặt mới làm được điều đó.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

Lợi nhuận từ hoạt động	63
Khấu hao	45
Mức tăng tồn kho	-23
Mức tăng dư nợ	-85
Mức tăng khoản nợ	-27
<b>LƯỢNG TIỀN LƯU THÔNG</b>	<b>-27</b>
Chi trả lãi suất vay	-20
Chi cổ tức	-10
Chi phí bất thường	-10
Thuế	-16
Chi phí trang thiết bị	-85
<b>LƯỢNG TIỀN MẶT TRƯỚC KHI KẾT TOÁN</b>	<b>-141</b>

## KẾT TOÁN

Mức tăng khoản rút vượt số dư tài khoản	60
Mức giảm khoản vay ngân hàng	-15
Mức giảm thế chấp	-5
Lợi tức góp vốn	100
	140
	-8

## LƯU CHUYỀN TIỀN MẶT

**49**

Ghi nhớ câu ngắn ngữ “Lợi nhuận là phù du, tiền mặt là có thật”.

## HAY CHÚ TRỌNG VÀO TIỀN MẶT

Báo cáo tài chính quan trọng thứ ba là báo cáo lưu chuyển tiền tệ, trên thực tế là rất quan trọng nhưng thường ít được sử dụng. Khi tiền mặt ngừng lưu thông, doanh nghiệp sẽ không tồn tại nữa. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện lợi nhuận được tạo ra trong kỳ kế toán nhưng lợi nhuận không phải là tiền mặt – và điều quan trọng là phải biết được lượng tiền mặt thực tế thu vào và chi ra là bao nhiêu. Bảng cân đối kế toán thể hiện các hoạt động đầu tư lớn, như mua tài sản cố định hoặc một doanh nghiệp, nhưng nó không thể hiện rõ doanh nghiệp có thừa hay thiếu tiền mặt hay không. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên kết hai báo cáo chính này lại với nhau, sử dụng tiền mặt làm phương tiện khách quan để có thể kiểm tra được tính chính xác so với số dư tài khoản ngân hàng.

## ◀ XEM LẠI BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

Bắt đầu bằng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ thể hiện tiền mặt được tạo ra từ đâu hoặc sử dụng như thế nào. Nó thể hiện những mặt khác của một doanh nghiệp mà báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khó có thể thể hiện được.

## TÌM HIỂU CÁC NGUYÊN TẮC

Nhìn chung, các báo cáo lưu chuyển tiền tệ thường theo một dạng chuẩn và, trong khi vẫn có những khác biệt, các nguyên tắc tương tự vẫn được sử dụng trên toàn cầu nhằm làm cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ ngày càng dễ hiểu và hữu ích hơn. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được phân định thành các phần có ý nghĩa, cung cấp thông tin rõ ràng về việc luân chuyển tiền mặt trong các hoạt động chính của doanh nghiệp. Những hoạt động này bao gồm: các hoạt động thương mại thông thường, tiền lãi, cổ tức, thuế, các hoạt động đầu tư và tài chính. Để hiểu được báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cần phải biết được những gì được xem là tiền mặt. Khái niệm được chấp nhận rộng rãi là: các khoản tiền mặt là những khoản tiền mà doanh nghiệp có trong tay hoặc nhận ngay trong ngày, có nghĩa là tiền mặt thực tế, tài khoản ngân hàng và các khoản đặt cọc ngắn hạn.

**51**

Hãy tích cực quản lý vốn lưu động và kiểm soát lượng tiền mặt của mình.

**52**

Hãy xem vốn lưu động như là một miếng bọt biển: nó hút tiền mặt nếu để mặc nó và không còn tiền mặt nếu bị vắt đi.



## NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ VĂN HÓA

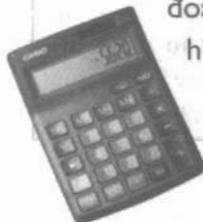
Các quốc gia khác nhau đang cố gắng xác định nên đưa những gì vào trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Có hai loại báo cáo. Loại đầu tiên là báo cáo ngân quỹ, nhưng loại này không thể hiện rõ ràng dòng tiền là gì và nói chung là không được ưa chuộng. Loại thứ hai là báo cáo lưu chuyển tiền tệ, định nghĩa rõ ràng hơn thế nào là dòng tiền và là một báo cáo mang nhiều ý nghĩa hơn.

## TÍNH TOÁN LUU LƯỢNG TIỀN MẶT TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dòng tổng cộng thứ nhất trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ là quan trọng nhất, thể hiện số tiền có được từ hoạt động kinh doanh. Để tính toán, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (lấy từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cần phải được điều chỉnh. Trước hết, những khoản phi tiền mặt, ví dụ như khấu hao, đã bị trừ đi trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải được cộng lại. (Cần phải ghi nhớ rằng khấu hao không bao giờ là tiền mặt). Tiếp theo, vốn lưu động hoặc tài sản lưu động từ bảng cân đối kế toán của năm trước và năm nay sẽ được điều chỉnh bằng khoản tăng về hàng tồn kho, các khoản phải thu, các khoản phải trả giữa hai kỳ. Nếu có nhiều hàng tồn kho hơn năm trước, có nghĩa là đã phải chi tiền mặt ra. Nếu người vay nợ nhiều hơn, có nghĩa là họ giữ nhiều tiền mặt hơn, vì thế doanh nghiệp sẽ có ít tiền mặt hơn. Nếu nợ nhà cung cấp nhiều hơn (bởi vì họ vẫn chưa được thanh toán) thì doanh nghiệp sẽ tạm thời giữ nhiều tiền mặt hơn.

**53**

Nên nhớ rằng lưu lượng tiền mặt từ hoạt động kinh doanh âm trong giai đoạn này thì tình hình chỉ có thể xấu đi.



### XÁC ĐỊNH LƯU LƯỢNG TIỀN MẶT TRƯỚC KHI TIỀN HÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Phần tổng cộng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước các hoạt động tài chính thể hiện doanh nghiệp đã làm ra bao nhiêu hay cần phải làm thêm bao nhiêu để tồn tại. Để tính được, các khoản không liên quan đến kinh doanh như tiền lãi, cổ tức và thuế trước hết phải được trừ đi hoặc ghi có vào tài khoản. Các khoản lãi bất kỳ đã trả hoặc nhận được trong năm được thể hiện cũng như bất kỳ cổ tức nào đã trả hoặc nhận được. Điểm này phản ánh số tiền doanh nghiệp đang chi, đơn giản là để "phục vụ" các khoản nợ và vốn cổ phần. Cuối cùng, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được trừ đi.

### CHI TIẾT CHI TIÊU TIỀN MẶT ĐỂ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

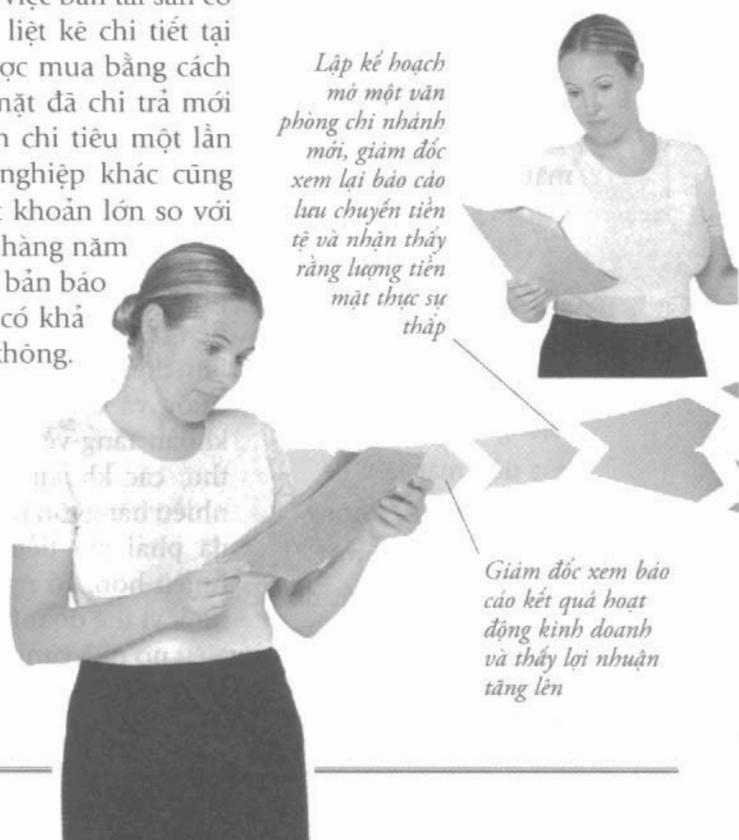
Sau khi tiền lãi, cổ tức và thuế được ghi nhận, chi phí vốn (mua sắm tài sản cố định) sẽ được đưa vào để cân bằng. Tiền mặt được chi cho việc mua sắm hoặc nhận được từ việc bán tài sản cố định thông thường sẽ được liệt kê chi tiết tại đây. Nếu tài sản cố định được mua bằng cách thuê mướn thì chỉ có tiền mặt đã chi trả mới được thể hiện ra. Các khoản chi tiêu một lần như việc mua một doanh nghiệp khác cũng được thể hiện. Nếu cần một khoản lớn so với lượng tiền mặt bình thường hàng năm của công ty thì phần này của bản báo cáo sẽ thể hiện liệu công ty có khả năng hỗ trợ cho khoản đó không.

#### THEO DÕI LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ ►

Hình minh họa này chỉ ra hai cách để quản lý lưu lượng tiền mặt. Một người quản lý chỉ xem xét lợi nhuận có thể không nhận ra rằng doanh nghiệp không có tiền mặt. Một người quản lý thành công sẽ xem xét kỹ lượng báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước khi phê duyệt và có thể phòng ngừa được những thảm họa tài chính.

**54**

Lưu ý rằng chi phí cho các tài sản cố định sẽ thường vượt quá số lợi nhuận.



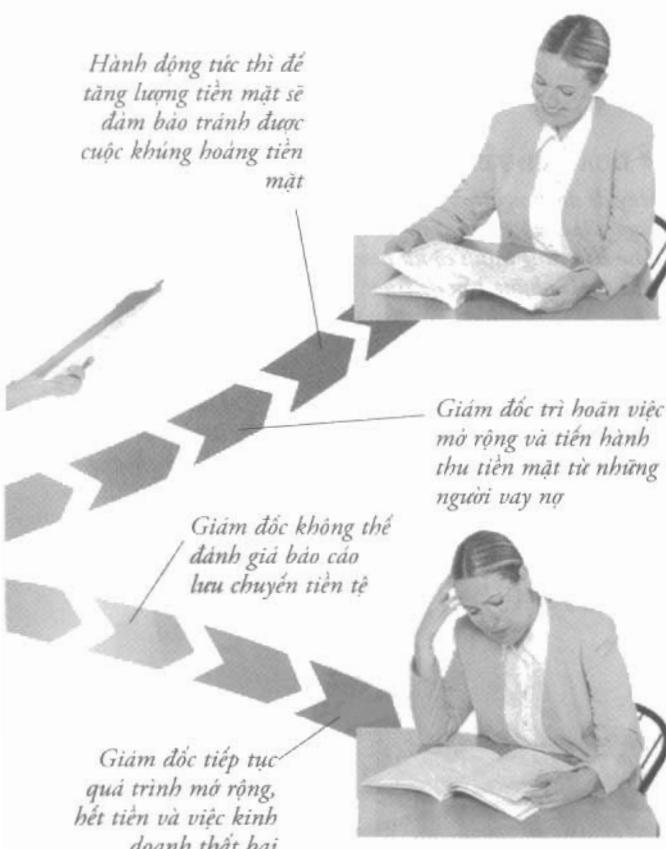
## QUẢN LÝ LƯU LƯỢNG TIỀN MẶT

Việc kiểm soát lưu lượng tiền mặt là nhiệm vụ tài chính hàng đầu của công việc quản lý. Các giám đốc cần hiểu rằng lượng tiền mặt đến từ đâu và nó được công ty chi tiêu như thế nào, bởi vì điều này có thể tạo ra sự khác biệt giữa thành công và khó khăn về tài chính. Khi lưu lượng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh âm, có bốn đòn bẩy có thể cải thiện tình hình: tạo thêm lợi nhuận, giảm hàng tồn kho, giảm khoản phải thu và tăng khoản phải trả. Tuy nhiên những bước này có thể không có tác dụng. Nếu một công ty mở rộng bởi vì sự phát triển tất yếu, có

nghĩa là doanh số tăng lên, dẫn đến có nhiều khoản phải thu hơn và nhiều hàng tồn kho hơn do vậy lượng tiền mặt sẽ tồi tệ hơn. Điều này có thể không tránh được nhưng phải được thừa nhận và lên kế hoạch. Yếu tố quan trọng khác cần xem xét là liệu có đủ khả năng thanh toán cổ tức và lãi hàng năm không. Nếu không, nguồn cung cấp vốn của công ty có cần được kiểm tra không? Cuối cùng việc mua tài sản có thể hoàn toàn do mình quyết định và cần được suy nghĩ cẩn thận trước khi đi đến quyết định. Nên nhớ rằng, tiền mặt là rất quan trọng.

### TÍNH TOÁN SỰ THAY ĐỔI

Có hai nguồn tài chính chính là vay nợ và vốn cổ phần. Những khoản vay hay vốn cổ phiếu phát hành là các nguồn tiền mặt, các khoản vay phải trả hay vốn cổ phiếu phải mua lại làm giảm lượng tiền mặt. Khoản chênh lệch giữa lưu lượng tiền mặt trước hoạt động tài chính và số tổng của lưu lượng tiền mặt từ hoạt động tài chính hiện biến động nói chung về tiền mặt trong năm, phải khớp với khoản chênh lệch giữa số tiền mặt năm nay và năm trước trong bảng cân đối kế toán.



**55**

Các biến động của tiền mặt và tài khoản ngân hàng phải phù hợp với nhau.

## DỰ BÁO LƯU LƯỢNG TIỀN MẶT

**D**ự báo lưu lượng tiền mặt thường hay bị lãng quên bởi vì nó không được luật pháp hay quy định yêu cầu phải làm. Tuy nhiên, nó là một nguồn tài liệu vô cùng quý giá. Hãy sử dụng dự báo để giúp bạn dự đoán được lưu lượng tiền mặt trong tương lai và theo dõi tình hình kinh doanh của công ty.

**57**

Cần kiểm soát vốn chi tiêu hợp lý.

**58**

Nên nhớ rằng doanh thu và việc mua sắm tài sản cố định thường có liên hệ với nhau.

Đồng nghiệp kiểm tra lại thời điểm nhận tiền có thực tế không, đặc biệt là với những hoạt động mới

**56**

Nên biết rằng lưu lượng tiền mặt thường trở nên tồi tệ hơn dự kiến của bạn.

### DỰ BÁO TRƯỚC CÁC VẤN ĐỀ

Dự báo lưu lượng tiền mặt khác với báo cáo lưu chuyển tiền tệ vì nó hướng về tương lai hơn là về quá khứ. Mục đích là dự báo khi nào nhu cầu tiền mặt trong công ty quá lớn, lượng tiền mặt không thể đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh bình thường hay cho sự phát triển đã được hoạch định.

#### ▼ ĐUA RA DỰ BÁO

Hãy để đồng nghiệp của bạn thường xuyên dự đoán lưu lượng tiền mặt. Bằng cách lên kế hoạch trước, bạn có thể đảm bảo rằng mình có đủ lượng tiền mặt cho tương lai và giải quyết những vấn đề trước khi chúng phát sinh.

Kế toán khẳng định các giả định chắc chắn về các thời điểm của lưu chuyển tiền tệ

Giám đốc hỏi xem liệu những kế hoạch mua sắm tài sản cố định theo dự kiến có chắc chắn không



## SỬ DỤNG DỰ BÁO LUU LƯỢNG TIỀN MẶT

Hãy lập dự báo lưu lượng tiền mặt dựa trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán. Hãy thực hiện hàng tháng, kết hợp các con số dự báo với các dự báo về thời điểm lưu chuyển tiền tệ cho mỗi khoản mục doanh thu và chi phí, cần nhớ đưa vào các mục chỉ xảy ra một lần. Rồi tính toán bảng cân đối kế toán cuối kỳ, thể hiện những gì còn phải trả hay phải thu từ những gì bạn chưa trả hay chưa nhận.

Các số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chia thành các số liệu hàng năm và hàng tháng

Thời điểm lưu chuyển tiền tệ được dự báo cho từng mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Không nên cho rằng lưu lượng tiền mặt sẽ không là một vấn đề đối với bạn bởi vì nó không phải thuộc quá khứ.

Không nên cho rằng mọi người sẽ luôn tuân thủ thời hạn thực hiện các khoản thu/chỉ của tổ chức.

### ▼ TẠO DỰ BÁO LUU CHUYỀN TIỀN MẶT

Hãy mở rộng các mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và dự kiến thời điểm cho từng khoản mục. Đồng thời thêm vào dự báo thời điểm cho mỗi tháng để biết được số tiền thừa hay thiếu.

Các khoản thu và chi tiền mặt được ghi nhận cho mỗi tháng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			DỰ ĐOÁN		LUU LƯỢNG TIỀN MẶT					
Hạng mục	năm	tháng	Chi trả		T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6
Doanh thu	2.400	200	Tín dụng 1 tháng		0	200	200	200	200	200
Giá vốn hàng bán	-1.800	-150	Tín dụng 1 tháng		0	-150	-150	-150	-150	-150
Chi phí văn phòng phẩm	-48	-4	Tín dụng 1 tháng		0	-4	-4	-4	-4	-4
Tiền thuê (nhà, đất...)	-24	-2	Üng trước 1 tháng		-4	-2	-2	-2	-2	-2
Lương, thưởng	-264	-22	Ngay lập tức		-22	-22	-22	-22	-22	-22
Chi phí bán hàng và tiếp thị	-36	-3	Tín dụng 1 tháng		0	-3	-3	-3	-3	-3
Chi phí phân phối	-24	-2	Tín dụng 1 tháng		0	-2	-2	-2	-2	-2
Chi phí điện nước	-12	-1	Tín dụng 1 tháng		0	-1	-1	-1	-1	-1
Lãi phải trả	-24	-2	Ngay lập tức		-2	-2	-2	-2	-2	-2
Lợi nhuận			Lượng tiền mặt hàng tháng		-28	14	14	14	14	14
			Lượng tiền mặt tích lũy		-28	-14	0	14	28	42

Lợi nhuận hàng năm được tính bằng cách lấy doanh thu trừ đi chi phí

Tổng thu và chi tiền mặt hàng tháng

Lượng tiền mặt tích lũy, thể hiện số tiền thực có trong ngân hàng

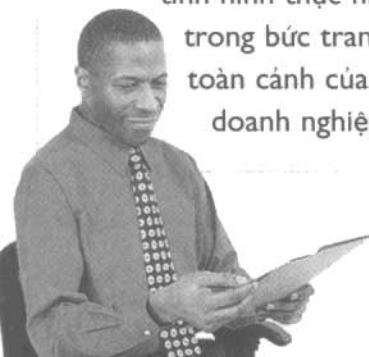
# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Các tỷ suất là công cụ cần thiết để diễn giải các số liệu. Hãy học cách sử dụng các tỷ suất và diễn giải các báo cáo bổ sung để có được cái nhìn rõ ràng về tình hình kinh doanh.

## TÌM HIỂU CÁC TỶ SUẤT

**N**ếu được sử dụng một cách hợp lý và nhất quán, các tỷ suất đánh giá tình hình thực hiện có thể đưa ra những chỉ số quan trọng và làm nổi bật các xu hướng. Hãy tìm hiểu xem các tỷ suất hữu ích ở điểm nào và chúng có thể tiết lộ được gì về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

**60** Luôn luôn nhìn vào các tỷ suất đánh giá tình hình thực hiện trong bức tranh toàn cảnh của doanh nghiệp.



**59** Hãy phân tích khả năng sinh lợi trước, kể đến là hiệu quả sử dụng tài sản.

## SỬ DỤNG CÁC TỶ SUẤT

Các tỷ suất hữu dụng nhất khi được tổng hợp và phân tích thường xuyên để giúp xác định các xu hướng quan trọng trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như quản lý tiền mặt và lợi nhuận. Nó cũng có thể được sử dụng để so sánh giữa các năm và giữa các công ty. Tuy nhiên, bởi vì không có hai công ty nào giống nhau, điều này gây ra rất nhiều khó khăn trong thực tế. Có rất nhiều cách tính toán các tỷ suất và không có một phương pháp nào đúng hoàn toàn. Hãy tránh phụ thuộc vào các tỷ suất để đưa ra câu trả lời đầy đủ là tại sao một công ty hoạt động tốt hơn một công ty khác – thay vào đó, bạn phải đánh giá toàn bộ quá trình kinh doanh.

**61** Hãy lập ra nhiều tập hợp tỷ suất mang tính so sánh cho công ty của bạn.

**62** Hãy thể hiện các kết quả tỷ suất thành biểu đồ để giúp bạn nhận ra các xu hướng.

## TÍNH TOÁN TỶ LỆ THU HỒI TRÊN VỐN ĐẦU TƯ (ROCE)

Tỷ lệ quan trọng nhất để đánh giá tình hình thực hiện được gọi là Tỷ lệ thu hồi trên vốn đầu tư (ROCE). Tỷ suất này cho biết lợi nhuận thu được trên số tiền được đầu tư vào công ty và là thước đo chính về tình hình quản lý của công ty. ROCE được tính toán bằng cách chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cho vốn đầu tư (nguồn vốn của cổ đông cộng với các khoản nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán). Tỷ suất hoàn vốn cần cao hơn tỷ suất mà các cổ đông có thể có được nếu đầu tư ở nơi khác, chẳng hạn như ngân hàng hay trong lĩnh vực xây dựng. ROCE cũng cần cao hơn chi phí đi vay, nếu không doanh nghiệp phải trả tiền lãi nhiều hơn số tiền kiếm được trên số tiền vay đó.

### NÊN VÀ KHÔNG NÊN

- |   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Sử dụng các tỷ suất phải phù hợp với bản chất, loại hình và tám cở của công ty đang nghiên cứu.</li> <li>✓ Có quan điểm cân bằng và tổng thể khi phân tích các tỷ suất.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>✗ Không nên hạn hẹp và cung nhảc trong khi lựa chọn các tỷ suất để đánh giá tình hình thực hiện.</li> <li>✗ Không nên quá chính xác về những kết quả mà bạn tính toán từ những con số kế toán.</li> </ul> |
|---|--|

## PHÂN TÍCH MỘT CÁCH HIỆU QUẢ

Khi diễn giải sổ sách kế toán, hầu hết mọi người đều quan tâm đến bốn linh vực chủ chốt: khả năng sinh lợi, tính hiệu quả, tài chính và khả năng thanh toán. Khả năng sinh lợi sẽ cho biết thu nhập từ việc kinh doanh là bao nhiêu và được đánh giá bằng cách phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; tính hiệu quả đánh giá việc sử dụng tài sản; tài chính cho thấy mức độ và khả năng của nguồn vốn; khả năng thanh toán cho biết liệu sẽ có đủ tiền mặt để tiếp tục hoạt động hay không. Tính hiệu quả, tài chính và khả năng thanh toán có thể được đánh giá bằng cách phân tích bảng cân đối kế toán.

### SỬ DỤNG ROCE ĐỂ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN



## PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**V**iệc phân tích từng dòng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ đem đến một tầm nhìn có giá trị về tình hình thực hiện kinh doanh. Hãy tìm hiểu xem những con số có ý nghĩa như thế nào bằng cách sử dụng một loạt những phương pháp tính toán cho thấy lợi nhuận được sử dụng thế nào và xác định xem chúng có thể cải thiện được không.

**64**

Hãy đánh giá doanh thu và chi phí theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu.

### QUY ĐỐI ĐỂ SO SÁNH ▼

Trình bày mỗi dòng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới hình thức tỷ lệ phần trăm trên doanh thu. Đặc biệt phải thực hiện như thế đối với lợi nhuận gộp, tổng chi phí hoạt động kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi tức khấu lưu.

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (BAO GỒM CÁC TỶ LỆ)

	Hiện tại	%	TRƯỚC ĐÂY	%
Doanh thu bán hàng	2.200	100,0	2.050	100,0
Giá vốn hàng bán	1.700	77,3	1.600	78,0
TỔNG LỢI NHUẬN	500	22,7	450	22,0
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí vận phòng phẩm	46	2,1	42	2,0
Chi phí nợ khó đòi	24	1,1	20	1,0
Tiền thuê (nhà, đất...)	15	0,7	14	0,7
Lương, thưởng	245	11,1	194	9,5
Chi phí bán hàng và tiếp thị	30	1,4	22	1,1

**63**

Luôn thực hiện một đánh giá nhanh chóng từ trên xuống dưới về lợi nhuận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### ĐÁNH GIÁ NHỮNG DÒNG QUAN TRỌNG

Bắt đầu bằng cách nhìn một cách tổng quát. Trước hết, hãy nhìn vào dòng trên cùng của doanh thu: những con số này tăng hay giảm vào năm ngoái, và lợi tức khấu lưu có tăng hay giảm ở dòng cuối cùng không? Nếu không, hãy kiểm tra bảng báo cáo để biết chắc chắn rằng lợi nhuận đã đi đâu. Phương pháp thông dụng là tìm ra những xu hướng rõ ràng và xem những nhân tố nào có thể ảnh hưởng đến việc phân tích của bạn, ví dụ như tài khóa có dài không? Sau đó, để có thể đưa ra sự so sánh năm này với năm khác hay để so sánh trong ngành được dễ dàng hơn, thì những dòng quan trọng được tính thành phần trăm trên doanh thu vì loại trừ được ảnh hưởng của số lượng và tầm cỡ.

Tỷ lệ lương thường trên doanh thu tăng; hãy tìm ra lý do và đưa ra hành động sửa sai

**65**

Không nên chỉ tập trung vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mà còn chú ý cả những sự kiện đi kèm.

## PHÂN TÍCH CÁC CON SỐ ▼

Hãy tính tỷ suất tiền lãi phải trả, thuế và cổ tức. So sánh những số liệu kể toán kỳ hiện tại với kỳ trước để xem tình hình của công ty có được cải thiện hay tệ hơn và giải thích rõ tại sao.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chia cho tiền lãi phải trả thể hiện khả năng thanh toán tiền lãi

LÃI HOẠT ĐỘNG		63	94
Tiền lãi phải trả	20	15	
Chi phí bất thường	10	0	
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		33	79
Thuế	7	16	
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		26	63
Cổ tức	12	10	
<i>Lợi nhuận sau thuế (PAT) chia cho cổ tức thể hiện khả năng thanh toán cổ tức</i>			
<i>Thuế phải trả chia cho lợi nhuận trước thuế thể hiện khả năng thanh toán thuế</i>			

## ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tiền lãi phải trả, thuế, cổ tức không liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, nhưng khả năng công ty có thể có đủ tiền để thanh toán những khoản này là một thước đo quan trọng về tình hình tài chính của công ty. Hãy đánh giá khả năng thanh toán của những mục này bằng cách sử dụng những tỷ suất cụ thể. Trước hết, hãy chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cho tiền lãi phải trả để tìm hiểu công ty có khả năng thanh toán khoản tiền lãi này bao nhiêu lần (bảo chứng tiền lãi). Sau đó sử dụng phương pháp tương tự (lợi nhuận sau thuế chia cho cổ tức) để đánh giá khả năng thanh toán cổ tức. Cuối cùng, chia thuế cho lợi nhuận trước thuế để có được tỷ lệ phần trăm số thuế phải trả, con số này gần bằng thuế suất phải trả trên lợi nhuận của doanh nghiệp. Hãy xem xét cẩn thận nếu thấy có những sai lệch rõ ràng.

## ĐÁNH GIÁ CÁC PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO LỢI NHUẬN

Để tăng lợi nhuận, một công ty được quản lý tốt có thể sử dụng danh sách kiểm tra để nâng mức lợi nhuận. Đây là một danh sách được chấp nhận về những việc cần làm theo thứ tự ưu tiên. Hãy nhìn vào những lĩnh vực sau trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để xem công ty có thực hiện doanh sách kiểm tra này không:

- Đã có tăng giá bán của sản phẩm hay dịch vụ chưa? (Điều này có nghĩa là sẽ ngưng giảm giá)
- Đã có giảm giá vốn hàng bán chưa? (Điều

này có thể liên quan đến việc mua vào hiệu quả hơn hoặc giới thiệu các quy trình kinh doanh hiệu quả hơn)

- Lợi nhuận gộp có tăng không? (Đây có thể là kết quả của hai bước trên)
- Số lượng có tăng không? (Một công ty làm việc hiệu quả sẽ thực hiện bước này chỉ sau khi đánh giá khả năng sinh lãi của sản phẩm và dịch vụ để quyết định xem mặt hàng nào có lợi nhuận thực sự)
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có giảm không?

## ĐỌC BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

**M**ột cách khác để nâng cao hiệu quả kinh doanh là giảm lượng vốn trong bảng cân đối kế toán và tăng tần suất sử dụng số vốn đó. Việc xem xét bảng cân đối kế toán một cách toàn diện có thể giúp ta có được những đánh giá rõ ràng về tính hiệu quả.

**66**

Lưu ý rằng những con số trong bảng cân đối kế toán có thể biến động theo từng giai đoạn và không mang tính tiêu biểu.

**67**

Hãy nhìn vào những ghi chú trong sổ sách kế toán để tìm ra những con số đúng.

### ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ

Đánh giá hiệu quả tổng quát của một doanh nghiệp bằng cách lấy doanh thu của dòng trên cùng chia cho số tài sản (tài sản cố định, lưu động hay tổng tài sản). Đó là vòng quay tài sản và cho biết doanh thu được tạo ra có tăng lên khi dùng cùng những tài sản như thế không. Bản thân tỷ lệ này không có ý nghĩa nhưng khi

được so sánh với vòng quay tài sản của năm trước, thì nó có thể cho thấy doanh nghiệp có hoạt động hiệu quả hơn hay không.

### ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ TIỀN MẶT

Lượng thời gian hàng lưu kho trước khi bán (số ngày bình quân của một vòng quay hàng lưu kho), thời gian khách hàng thanh toán nợ (kỳ thu bình quân của các khoản phải thu) và thời gian để công ty thanh toán cho nhà cung cấp (kỳ thanh toán bình quân của các khoản phải trả) là những phương pháp đánh giá hiệu quả cổ điển. Sử dụng những con số hàng tồn kho, khoản phải trả, khoản phải thu vào cuối tài khóa, tính số ngày vốn lưu động. Rồi xem xét các xu hướng qua từng kỳ và so sánh số liệu với số bình quân của ngành. Số ngày vốn lưu động quá cao có thể gây ra khủng hoảng về tiền mặt, quá ít cũng có nghĩa rằng công ty cũng không thể hoạt động tốt.

Hàng tồn kho chia cho giá vốn hàng bán x 365 = số ngày bình quân của một vòng quay hàng tồn kho

Khoản phải thu chia cho giá vốn hàng bán x 365 = kỳ thu bình quân của các khoản phải thu

Khoản phải trả chia cho doanh thu x 365 = kỳ thanh toán bình quân của các khoản phải trả

### ▼ TÍNH TOÁN TỶ LỆ VỐN

Để tính toán số ngày vốn lưu động, hãy sử dụng những con số trong bảng cân đối kế toán và hai dòng doanh thu và giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thời điểm hiện tại	Thời điểm trước đây
Tài sản cố định		
Tài sản hữu hình	170	150
Tài sản vô hình	10	10
Mức đầu tư	5	5
Tổng tài sản cố định	185	165
Tài sản lưu động		
Hàng tồn kho	208	185
Khoản phải thu	337	254
Khoản khác	18	16
Tiền mặt	2	10
Tổng tài sản lưu động	565	465
Các khoản nợ ngắn hạn		
Khoản phải trả	80	109
Chi phí cộng đồng	20	18
Cố tức phải	12	10

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu	2200	2050
Giá vốn bán hàng	1700	1600
Tổng lợi nhuận	500	450

## 68 Hãy tính hiệu quả chi phí của một ngày cho nợ thêm.

### ▼ SỬ DỤNG CÁC TỶ LỆ CỦA BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

Các tỷ lệ chủ yếu của bảng cân đối kế toán là vòng quay tài sản, số ngày vốn lưu động (kỳ thu bình quân của các khoản phải thu, kỳ thanh toán bình quân của các khoản phải trả, số ngày bình quân của một vòng quay hàng tồn kho) và các tỷ lệ thanh khoản lưu động và tỷ lệ thanh khoản nhanh để đánh giá hiệu quả.

#### CÁC TỶ LỆ CỦA BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

##### VÒNG QUAY TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số ngày bình quân của một vòng quay hàng tồn kho  
Kỳ thu bình quân của các khoản phải thu  
Kỳ thanh toán bình quân của các khoản phải trả  
Tổng cộng

##### TỶ LỆ THANH KHOẢN LƯU ĐỘNG

##### TỶ LỆ THANH KHOẢN NHANH

Việc trừ đi giá trị hàng tồn kho ra khỏi tài sản lưu động sẽ làm giảm tỷ suất, nhưng sẽ vẫn còn lớn hơn 1

Chia tài sản lưu động cho nợ ngắn hạn có được tỷ số lớn hơn con số mục tiêu là 1

THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM TRƯỚC ĐÂY
11.9	12.4
44.7	42.2
55.9	45.2
(17.2)	(24.9)
83.4	62.5
3.16	3.04
2.00	1.83

## ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ

Để đánh giá một tổ chức có đủ tiền để trả nợ không, có 2 cách thường được sử dụng: tỷ lệ thanh khoản lưu động và tỷ lệ thanh khoản nhanh (hay còn gọi là kiểm tra thực chất). Để tính tỷ lệ thanh khoản lưu động, hãy chia giá trị tài sản lưu động cho các khoản nợ ngắn hạn. Hầu hết các giáo trình đều khuyến cáo rằng tỷ lệ này ít nhất là 1 hoặc nói cách khác tài sản lưu động nên lớn hơn nợ ngắn hạn. Để tính toán tỷ lệ thanh khoản nhanh, hãy lấy giá trị tài sản lưu động trừ đi giá trị hàng tồn kho rồi chia cho giá trị nợ ngắn hạn, dựa trên lý luận là hàng tồn kho không chuyển thành tiền mặt nhanh chóng. Khi sử dụng những tỷ lệ này, nên nhớ rằng một công ty đưa ra tỷ lệ ít hơn 1 không phải lúc nào cũng đáng lo ngại. Ví dụ, với một người bán lẻ bằng tiền mặt: nợ phải thu bằng không, hàng tồn ít, khoản phải trả cao bằng hiệu suất bán thì không phải là không có hiệu quả như các tỷ lệ thể hiện.

## ĐÁNH GIÁ TÀI CHÍNH

Những người cho vay và những nhà đầu tư đặc biệt thích đánh giá các hoạt động tài chính dài hạn vì một công ty vay tiền nhiều thì có tính mạo hiểm nhiều hơn là một công ty vay tiền ít. Tỷ lệ quan trọng này được gọi là tỷ lệ nợ dài hạn. Tỷ lệ này được tính bằng cách chia nợ dài hạn cho tổng vốn cổ đông cộng nợ dài hạn, được thể hiện dưới dạng phần trăm. Ví dụ nếu nợ dài hạn là 70 USD và vốn cổ đông là 30 USD, tỷ lệ nợ dài hạn là 70%. Không có con số mục tiêu ở đây, thay vào đó cần phải theo dõi xu hướng một cách chặt chẽ.

## 69

Nên nhớ rằng tỷ lệ phổ biến hiện nay có giới hạn của nó.

## 70

Hãy đánh giá xem việc kinh doanh có được cung cấp tài chính và cơ cấu đúng không.

# TÌM HIỂU TỶ LỆ CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Tổng quát về thị trường chứng khoán và các nhà đầu tư bên ngoài sử dụng tỷ lệ của riêng mình để xác định khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Những biện pháp cung rắn này có thể giúp họ hiểu biết được rất nhiều về doanh nghiệp; vì vậy, hãy học hỏi cách đánh giá sổ sách kế toán theo quan điểm khách quan.

## 72 Khi phân tích tài chính, hãy luôn xem xét nhiều tỷ lệ hay phương pháp khác nhau.

## XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ

Chỉ số thị trường chứng khoán là một danh sách các công ty lớn nhất được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được đo bằng giá trị tổng thể của các công ty đó hay bằng giá kinh doanh. Dù bạn làm việc trong một công ty được niêm yết hay muốn biết tình hình của đối thủ, khách hàng, hay nhà cung cấp đang hoạt động thế nào, giá trị kinh doanh có thể cho bạn ước lượng sơ bộ về giá trị của công ty trong thị trường.

## TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ KINH DOANH

Giá trị kinh doanh được tính bằng cách nhân số cổ phiếu công ty đã phát hành (con số xác định) với giá cổ phiếu (số biến động). Giá cổ phiếu không liên quan đến tình hình hoạt động của công ty bởi vì giá



mua bán cổ phiếu không ảnh hưởng đến sản xuất hàng ngày của một công ty hay việc bán hàng hàng ngày. Tuy nhiên, giá trị của công ty theo cảm nhận của thị trường có thể ảnh hưởng đến khả năng vay tiền từ các tổ chức đầu tư.

## ◀ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG

Những công ty trong thị trường chứng khoán được xếp hạng theo tổng giá trị của họ, với những công ty có giá trị cao nhất sẽ hình thành chỉ số thị trường chứng khoán của nước đó (như là Dow, FTSE, DAX và CAC).

## HÃY NHÌN VÀO TRIỀU VỌNG

Tỷ lệ thu nhập - giá cổ phần (PE) cho thấy thị trường đánh giá triển vọng của công ty như thế nào. Tỷ lệ này được tính nhu nhau. Trước tiên, tính lợi nhuận trên một cổ phiếu bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (lấy từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho số cổ phiếu đã phát hành. Sau đó, chia giá thị trường của mỗi cổ phiếu cho lợi nhuận của một cổ phiếu. Tỷ lệ này (PE) cho thấy giá trị cổ phiếu hiện tại được đánh giá như thế nào so với con số lợi nhuận năm ngoái. Tỷ lệ cao là dấu hiệu công ty được tin tưởng, tỷ lệ thấp thể hiện điều ngược lại.

**73** Đặc biệt chú ý đến ý nghĩa của tỷ lệ thu nhập - giá cổ phần.

### ▼ XEM NHỮNG CON SỐ

Các nhà đầu tư và các bên liên quan sử dụng các con số của các tạp chí tài chính về tình hình hoạt động của công ty để xem các công ty lớn hoạt động thế nào và so sánh với các doanh nghiệp tương tự.

Giá cổ phiếu hiện tại và biến động trong ngày

Tỷ lệ sinh lợi là tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận thu được từ cổ tức

Giá kinh doanh của tổng số cổ phiếu là giá trị của doanh nghiệp

Công ty	Cổ phiếu		2001		Số lượng	Sinh lợi	PE	Giá kinh doanh
	Giá	Biến động	Cao	Thấp				
Maxi'el PLC	200	-5	350	180	2.500.000	2,5%	20	15.000.000

Giá cổ phiếu cao/thấp trong năm

Số lượng: cho biết số cổ phiếu đã được mua bán vào ngày trước  
PE là tỷ số giữa giá trị doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

Nhà đầu tư nghiên cứu báo tài chính để biết thông tin mới nhất về giá cổ phiếu

### XEM XÉT TỶ LỆ SINH LỢI

Một tỷ lệ quan trọng khác là tỷ lệ sinh lợi, nó cho thấy mức sinh lợi từ số tiền đầu tư vào cổ phiếu của công ty. Tỷ lệ này được tính bằng cách chia cổ tức được chia (từ báo cáo tài chính gần đây nhất) cho giá thị trường của mỗi cổ phiếu. Tỷ lệ sinh lợi là số phần trăm lợi nhuận thu được trên số tiền đầu tư, và bạn có thể so sánh số lợi nhuận này với số lợi tức bạn có được nếu gửi tiền vào ngân hàng. Thường thì tỷ lệ sinh lợi hơi thấp hơn chút ít so với việc đầu tư không rủi ro trong ngân hàng. Một công ty mạnh có lẽ sẽ có tỷ lệ sinh lợi thấp hơn một công ty yếu hơn vì mức độ rủi ro ít hơn thì lợi nhuận thu được cũng ít hơn.

## THU THẬP THÊM THÔNG TIN

Ngoài những báo cáo quan trọng, các công ty lớn còn cung cấp thêm nhiều thông tin khác, có thể là từ nguyện hay luật pháp buộc phải như thế. Bạn phải biết tìm những chi tiết này ở đâu và có thể thu thập được thông tin gì từ đó.

**74**

Cần biết những gì chưa đựng trong các báo cáo và sổ sách kế toán được công bố.

**75**

Hãy xem xét các báo cáo và các ghi chú cẩn thận – bạn có thể phát hiện ra những chi tiết rất quan trọng.



### DIỄN GIẢI CÁC CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN

Vai trò của kiểm toán viên là báo cáo xem các báo cáo tài chính có được chuẩn bị đúng cách, tương thích với quy định của công ty và GAAP hay không. Thay vì nói rằng sổ sách kế toán như thế là đúng, họ đã chọn những từ như “đưa ra quan điểm trung thực và thẳng thắn” hoặc “thể hiện trung thực”, điều đó có nghĩa là những tài liệu này được gọi là “tốt” hoặc sạch sẽ. Hãy tìm ra những ý kiến “không tốt” như những ý kiến chỉ ra những lĩnh vực không chắc chắn, hoặc đáng lo hơn, chưa thống nhất.

### HIỂU ĐƯỢC NHỮNG CỤM TỪ KHÔNG TỐT

CỤM TỪ	VÍ DỤ	CÓ NGHĨA LÀ
“PHỤ THUỘC VÀO”	“Phụ thuộc vào sự hỗ trợ liên tục từ các ngân hàng.”	Nếu không có sự hỗ trợ của ngân hàng, công việc kinh doanh sẽ thất bại.
“TRỪ”	“Trừ việc định giá của một số mặt hàng tồn kho.”	Đã có sự bất đồng cơ bản giữa kiểm toán viên và người quản lý về một vấn đề.
“KHÔNG”	“Tài liệu này không...”	Những tài liệu này không được lập đúng cách.

## ĐỌC BÁO CÁO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khi các báo cáo hàng năm được công bố, các thành viên hội đồng quản trị của một công ty thường họp đánh giá kết quả. Vì có những luật lệ nghiêm ngặt về việc công khai, bất cứ điều gì nói ra đều phải khách quan chứ không bị chi phối bởi sự tuyên truyền. Hãy nhìn vào vấn đề trả lương (các công ty ngày nay rất nhạy cảm về việc trả tiền cho các thành viên hội đồng quản trị, bởi vì lương phải phù hợp với tình hình hoạt động của công ty nói chung) và nhìn vào những chi tiết về quyền được mua cổ phần. Cả hai việc cho thấy các thành viên hội đồng quản trị đã đánh giá họ và công ty đã hoạt động tốt như thế nào trong năm vừa qua.

### SO SÁNH CÁC BÁO CÁO ►

*Trong báo cáo, các thành viên hội đồng quản trị thường nêu ra họ mong muốn trong năm tới công ty sẽ hoạt động như thế nào. Hầu hết là lạc quan, để củng cố lòng tin của cổ đông nhưng phải cẩn thận với những gì không tốt, hay những "dự báo một năm khó khăn sắp đến".*



**77** Hãy đọc các bản đánh giá của các thành viên hội đồng quản trị chủ chốt để có cái nhìn lạc quan về tương lai.

**78** Đào sâu những ghi chú về những chi tiết và thông tin thú vị.

**76**

Tổ chức càng lớn, quy mô thông tin phải càng lớn.

## TẬP TRUNG VÀO NHỮNG GHI CHÚ CỦA SỔ SÁCH KẾ TOÁN

Những ghi chú phong phú được đính kèm vào các bản báo cáo tài chính quan trọng: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, biến động nguồn vốn cổ đông. Mặc dù những ghi chú đính kèm này có thể gây nản chí lúc đầu, nhưng hãy cố gắng đọc và hiểu chúng vì chúng là một phần cấu thành của các bản báo cáo chính. Những mục mang tính chất nội bộ như là những ngày quan trọng và lịch họp cổ đông hàng năm hay các sự kiện trong tương lai có thể được tìm thấy trong những ghi chú này.

Để bạn có thể  
tìm hiểu rõ  
về vấn đề này  
cần ghi nhớ

## MỞ RỘNG KIẾN THỨC

Sự phức tạp của kế toán thường khiến bạn nản lòng. Hãy tìm hiểu những điều bất thường này sinh ở đâu, kế toán giải quyết như thế nào, và làm thế nào để nâng cao chất lượng sổ sách kế toán nội bộ của công ty bạn.

### TÌM HIỂU CÁC VẤN ĐỀ QUỐC TẾ

**R**ất nhiều tổ chức hiện nay hoạt động ở tầm quốc tế, tuy nhiên, mặc dù xu hướng toàn cầu hóa ngày một tăng, nhưng các hình thức và phương pháp kế toán vẫn khác nhau rất nhiều trên toàn thế giới. Việc hiểu được những khác biệt sẽ giúp bạn xác định được những vấn đề có thể nảy sinh.

**80**

Nên thừa nhận rằng lợi nhuận và tài sản có thể được ghi nhận khác nhau rất nhiều giữa các nước.

**79**

Luôn luôn biết rõ ràng về những luật lệ mà tài khoản được dựa vào để làm cơ sở.

### NHẤN MẠNH CÁC VẤN ĐỀ

Các phương pháp kế toán phụ thuộc vào luật lệ của từng nước và điều này thường là một trở ngại đối với giao dịch thương mại quốc tế. Các nhà đầu tư phải đàm phán về những trở ngại xuyên biên giới; các công ty đa quốc gia phải đổi mới với những khác biệt trong quan niệm về lợi tức, thuế và các chính phủ tạo ra những trở ngại thương mại với những cơ hội không công bằng và những trở ngại về kinh tế. Do vậy, nhiều nỗ lực hòa đàm và đang được đưa ra để làm giảm những sự khác biệt.

## XÁC ĐỊNH NHỮNG KHÁC BIỆT

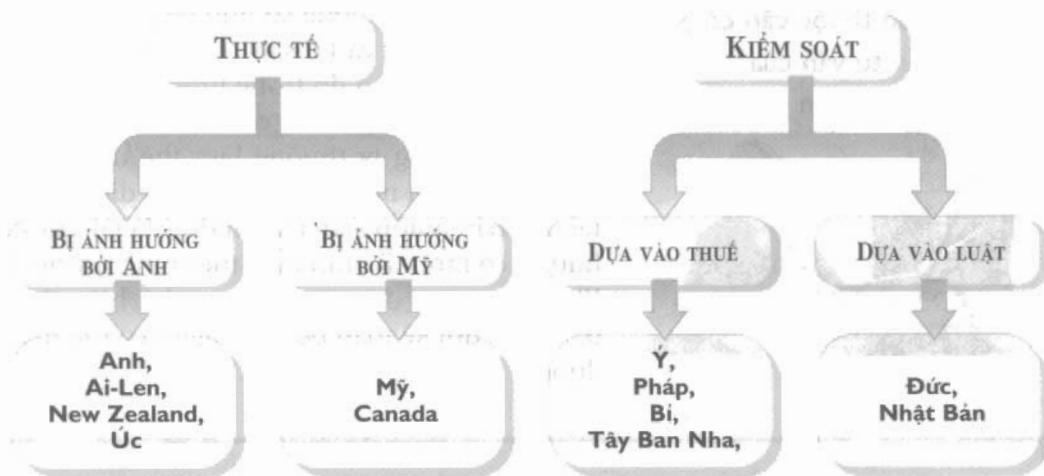
Bởi vì các nước có những hệ thống pháp lý khác nhau, cơ chế về thuế, ảnh hưởng lịch sử và thông lệ kinh doanh, hệ thống kế toán cũng khác nhau. Các nước châu Âu có khung pháp lý mạnh mẽ về kế hoạch kế toán và luật thương mại, khác với sự kết hợp về những nguyên tắc pháp lý và quy định kế toán riêng biệt của Anh và Mỹ. Một số nước yêu cầu những con số trong báo cáo tài chính giống nhu số khai báo thuế; trong khi đó, ở những nước khác thì lại không. Những nhân tố chính trị và lịch sử cũng có vai trò của nó, phần lớn thế giới bị ảnh hưởng bởi hệ thống của Anh. Nhu cầu về thông tin mở cho các cổ đông đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã và đang phát triển cho phù hợp với yêu cầu mới.

81

Phải biết được những khác biệt chính trên thế giới có ảnh hưởng đến bạn.

### ▼ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG

Các nước bị ảnh hưởng bởi Anh và Mỹ có xu hướng sử dụng các phương pháp thực tế hơn đối với kế toán và có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cổ đông. Ở những nơi khác của châu Âu và Nhật Bản, thuế và hệ thống luật pháp nghiêm ngặt không cho phép có bất kỳ sự chủ quan hay sai lệch nào có thể làm cho các tài khoản trở nên ít hiệu ích và ít thông tin đối với những người ngoài có quan tâm.



## HÀI HÒA HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Bởi vì những hệ thống kế toán trên thế giới đánh giá những khoản mục nhu tài sản và lợi nhuận khác nhau, nên việc so sánh và phân tích quốc tế rất khó khăn. Do vậy, có những áp lực ngày càng tăng để hài hòa kế toán. Trong 10 năm qua, tổ chức kế toán quốc tế đã nỗ lực làm việc để đưa ra Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS). Những chuẩn mực này được làm chuẩn

trên khắp thế giới và được rất nhiều công ty đa quốc gia sử dụng, thậm chí một số các công ty còn chuẩn bị hai bản kế toán. Một bản sẽ phù hợp với nguyên tắc được chấp nhận chung của đất nước mà công ty có văn phòng ở đó, và một bản sẽ phù hợp với IAS. EU là một ví dụ điển hình là có sự hài hòa dựa vào luật pháp nhưng không có sự hội tụ GAAP.

## XEM XÉT NHỮNG KHÓ KHĂN CHUNG

Công việc kế toán là nghiệp vụ tự nhiên và người kế toán phải đối diện với nhiều vấn đề phức tạp. Là một nhà quản lý, bạn út khi hiểu được các vấn đề về những chi tiết kỹ thuật, nhưng sẽ rất hữu ích cho bạn khi biết được rắc rối có thể xảy ra ở đâu và làm cách nào để xử lý chúng.

**83**

Khi giải quyết những vấn đề mang tính nghiệp vụ không quen thuộc cần có ý kiến tư vấn của chuyên gia.

**82**

Nên nắm những vấn đề thiết yếu chứ không phải là những chi tiết của kế toán nghiệp vụ.

### LIỆT KÊ NHỮNG TÀI SẢN THUÊ

Một hình thức tài sản cố định gây ra nhiều tranh cãi là tài sản cho thuê. Đây là một tài sản mà doanh nghiệp sử dụng khoảng 3 năm hay hơn nữa, nhưng không sở hữu về mặt pháp lý (không giống tất cả tài sản cố định khác). Tại một thời điểm nào đó trong tương lai, chi phí thuê tài sản hàng năm có thể rất đáng kể, nhưng các công ty thường làm thế để không thể hiện khoản nợ quá lớn vào thời điểm hiện tại. Kế toán muốn xem tài sản thuê là tài sản sở hữu để có một cái nhìn tổng thể chính xác hơn. Khoản nợ sau đó có thể được thể hiện trên bảng cân đối kế toán để mọi người có thể thấy được.

### NHỮNG TÀI SẢN VÔ HÌNH GÂY TRANH CÃI

Lợi thế doanh nghiệp và thương hiệu có thể gây ra tranh cãi và những tài sản vô hình khác cũng có thể như thế.

- Bằng sáng chế (một vật hay một quy trình của một người đã được cấp bằng sáng chế và được công ty mua). Số tiền trả cho bằng sáng chế được khấu hao cho khoản thời gian được sử dụng bằng sáng chế đó.
- Bí quyết kinh doanh (tương tự với bằng

sáng chế nhưng vật hay quy trình đó có thể không được đăng ký chính thức).

- Bản quyền và sở hữu trí tuệ, như âm nhạc và sách.
- Nghiên cứu và phát triển. Chi phí được lấy ra từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được thể hiện là một tài sản trên bảng cân đối kế toán. Như vậy thì lợi nhuận và tài sản có thể tăng lên.

## THỰC HIỆN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Khi chi phí của các sự kiện tương lai, như là việc tổ chức lại công ty, sẽ có tác động nghiêm trọng đến lợi nhuận, người ta lấy một số tiền từ lợi nhuận năm nay để làm dự phòng cho những sự kiện đó. Nếu một sự kiện sắp xảy ra có khả năng tác động đến lợi nhuận (có thể có sự đe dọa bị kiện tụng) thì nó thường không được đề cập trong các báo cáo tài chính nhưng cần được ghi nhận trong sổ sách kế toán như là khoản nợ bất ngờ. Cuối cùng, nếu một sự kiện có ảnh hưởng đáng kể về mặt tài chính xảy ra giữa ngày của bảng cân đối kế toán và ngày ghi giảm tài khoản thì việc này phải được ghi nhận.

### KẾ TOÁN CHO CÁC TẬP ĐOÀN

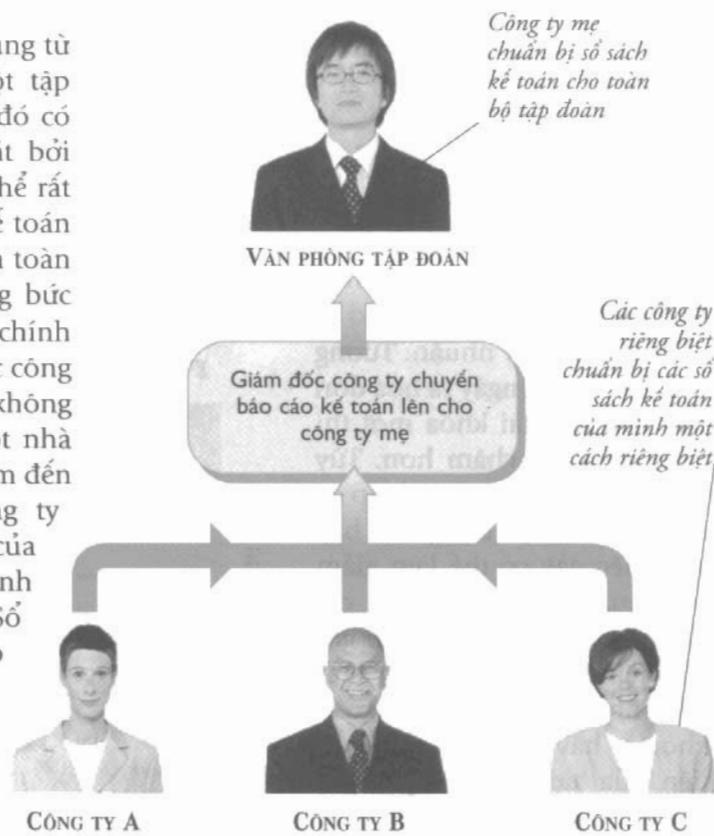
Việc lấy thông tin hữu dụng từ tài liệu kế toán của một tập đoàn các công ty, trong đó có các công ty bị kiểm soát bởi những công ty khác, có thể rất khó khăn. Các sổ sách kế toán đưa ra một bức tranh của toàn bộ doanh nghiệp, nhưng bức tranh đó có thể không chính xác nếu công ty mẹ bị các công ty con cung cấp số liệu không đúng. Với tư cách là một nhà quản lý, bạn hãy quan tâm đến hoạt động của các công ty khác trong tập đoàn của mình cũng như tình hình hoạt động của tập đoàn. Số sách kế toán của các tập đoàn đôi khi được gọi là các tài liệu "tổng hợp" (đã được loại trừ các yếu tố trùng nhau trong cùng tập đoàn).

### NHỮNG ĐIỂM CẦN LUÔN YÊU CẦU

- Bạn nên cố gắng có ý kiến về tình hình tài chính của công ty.
- Những khoản dự phòng là những công cụ truyền thống để "làm giảm" những biến động của lợi nhuận.
- Nó giúp giải thích tình hợp lý theo nguyên tắc kế toán của các kỹ thuật xử lý.

### TÌM HIỂU SỔ SÁCH KẾ TOÁN TẬP ĐOÀN

Các công ty con chuẩn bị sổ sách kế toán của mình và tất cả sẽ được tổng hợp thành sổ sách kế toán của công ty mẹ, để đưa ra những thông tin có ý nghĩa về tập đoàn.



# THỦ THUẬT TRONG KẾ TOÁN

Kế toán cần thể hiện các con số dưới hình thức tốt nhất có thể được trong khi vẫn phải luôn chính xác và trung thực. Cần nhận biết được khi nào các con số bị nhão nặn vì đó là dấu hiệu chắc chắn của thủ thuật kế toán.

84

Thủ thuật trong kế toán sẽ làm cho sự việc trông có vẻ bình thường hơn.

85

Kiểm tra xem thủ thuật kế toán có làm tăng hay giấu bớt lợi nhuận không.

## TẠI SAO LẠI CHE GIẤU SỰ THẬT?

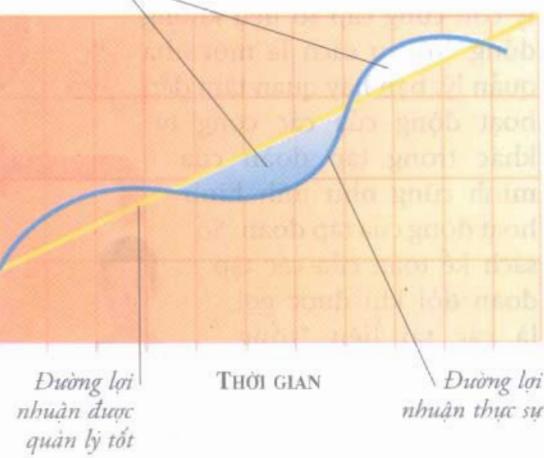
Mọi tổ chức đều có những thủ thuật kế toán riêng, công ty lớn muốn báo cáo lợi nhuận nhiều hơn trong khi công ty nhỏ lại muốn đóng ít thuế. Thủ thuật kế toán không có nghĩa là điều chỉnh các con số; mà chỉ đơn giản là chọn các ngày kế toán để tờ hồng bức tranh, kéo dài một tài khóa để làm tăng lợi nhuận, thay đổi bức tranh hay không nộp các báo cáo kế toán chính... là những cách thông dụng để che giấu sự thật.

### ▼ LÀM GIẢM CÁC BIÊN ĐỘNG

Việc tạo ra lợi nhuận không phải lúc nào cũng là một quá trình êm á, bởi vậy thủ thuật kế toán sẽ làm hài hòa các khoảng dao động lớn để cho thấy tình hình lợi nhuận của công ty luôn ổn định.

Các vùng lồi và lõm được giảm thiểu

LỢI NHUẬN



## XEM XÉT LỢI NHUẬN

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, nếu số hóa đơn tăng vào cuối năm, đó là cách để tăng lợi nhuận. Tương tự như vậy, lùi ngày ra hóa đơn cho đến đầu tài khóa mới thì thuế được trả chậm hơn. Tùy vào tình trạng doanh nghiệp có một năm hoạt động tốt hay xấu, việc này có thể làm giảm lợi nhuận bằng cách tăng chi phí hay tăng lợi nhuận khi ghi giảm chi phí. Để xác định xem có hành động điều chỉnh ở đây không, hãy nhìn tháng đầu tiên của tài khóa tiếp theo; những khác biệt sẽ được điều chỉnh ở đây.

## NHÀO NẶN SỐ SÁCH ▶

Các báo cáo kế toán được tổng hợp dựa trên các sổ sách và ghi chép thường được nhào nặn chút ít hoặc có thể được nhào nặn hoàn toàn. Nhưng nhiệm vụ của người đọc là phải phát hiện ra những gì chấp nhận được còn những gì dí hơi qua xà thi khá khó khăn để phát hiện vì thủ thuật kế toán làm cho các sổ sách kế toán trông có vẻ bình thường dưới con mắt của người không được huấn luyện. Hãy luôn tham khảo ý kiến chuyên môn nếu bạn có nghi ngờ về bất cứ điều gì không đúng với các số liệu.

**VÍ DỤ ĐIỀN HÌNH**  
Happy Nappies muốn tăng lợi nhuận, và đã quyết định sử dụng một vài thủ thuật kế toán. Trước hết, họ ghi nhận doanh thu sớm hơn vào lúc xác nhận đặt hàng chứ không phải là lúc giao hàng hóa, do vậy làm tăng doanh thu bán hàng. Thứ hai, họ cũng giảm chi phí bằng cách lấy các khoản chi phí liên quan đến nhà máy mới ra khỏi báo cáo

kết quả hoạt động kinh doanh và đưa nó vào chi phí nhà máy - điều này sẽ làm tăng lợi nhuận và làm tăng giá trị bảng cân đối kế toán. Thứ ba, họ cũng kéo dài thời gian khấu hao của những tài sản giá trị cao, lại làm tăng lợi nhuận và tăng giá trị bảng cân đối kế toán. Không có các thủ thuật xử lý trong luật và nguyên tắc kế toán nhưng thực tế các thủ thuật này lại rất thông dụng.

## XEM XÉT HÀNG TỒN

Trên bảng cân đối kế toán, mục đầu tiên phải xem xét là hàng tồn. Nếu giá trị quá cao, hàng tồn trên bảng cân đối kế toán (và lợi nhuận) sẽ rất cao. Hãy nhìn vào các khoản phải trả, quản lý vốn lưu động hiệu quả liên quan đến việc tận dụng vốn của nhà cung cấp một cách hợp lý. Thanh toán các hóa đơn có thể được dời lại đến trước thời điểm cuối năm, tăng khoản phải trả và tạo ra ấn tượng là có mối quan hệ tốt với nhà cung cấp đồng ý cho gia hạn nợ. Hãy kiểm tra ngày đầu tiên của tài khóa tiếp theo để xem liệu có một lượng lớn séc phải thanh toán cho các nhà cung cấp hay không.

86

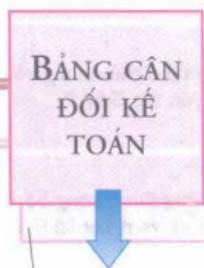
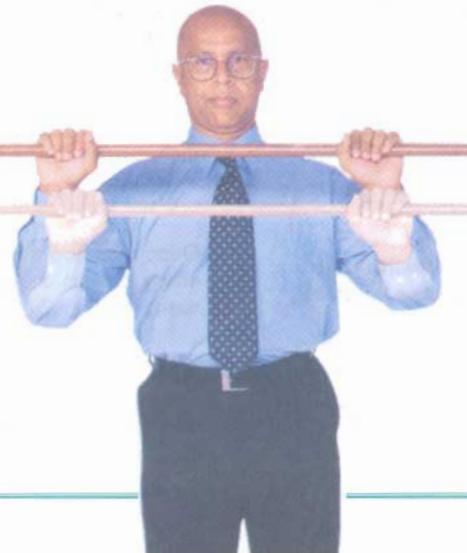
Cần nhớ rằng bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải thay đổi một cách tương ứng.

### ▼ KIỂM TRA SỐ ĐU

Hãy nhớ một nguyên tắc là khi lợi nhuận tăng thì bảng cân đối tài khoản cũng tăng. Hãy nhìn vào hình bên dưới, nếu những gì ảnh hưởng đến bản báo cáo thứ nhất thì cũng sẽ ảnh hưởng đến báo cáo thứ hai.



Đánh giá thấp hàng tồn cuối kỳ dẫn đến giá vốn hàng bán cao và lợi nhuận giảm



Đánh giá thấp hàng tồn cuối kỳ dẫn đến lượng hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán thấp

# ÍCH LỢI CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Kế toán quản trị không cần phải tuân thủ bất kỳ một quy định nào, vì thế nó trở nên linh hoạt nhưng cũng rất dễ có nhiều sai sót. Phải biết được ích lợi và khiếm khuyết của sổ sách kế toán nội bộ và cách cải thiện thông tin chưa đúng trong đó.

87

Hãy nhớ rằng kế toán quản trị thiếu những quy luật chuẩn hóa.

88

Hãy tìm hiểu mục đích và cách sử dụng kế toán quản trị.

## TÌM HIỂU KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Được chuẩn bị và phục vụ trong nội bộ, kế toán quản trị bị chi phối bởi nhu cầu của nhà quản lý. Chúng được sử dụng để giúp kiểm soát, và đưa ra những quyết định liên quan đến việc thực hiện kinh doanh hàng ngày. Vì thế chúng thường bao gồm nhiều thông tin hơn, chứ không phải chỉ có thông tin tài chính. Chúng thường tập trung vào 4 lĩnh vực chính: ghi nhận các số liệu trước đây, giải quyết vấn đề hiện thời, kiểm soát thực tại và hoạch định cho tương lai.

## SO SÁNH TÀI LIỆU KẾ TOÁN NỘI BỘ VÀ BÊN NGOÀI

### TÀI LIỆU CUNG CẤP BÊN NGOÀI

Được công bố cho bên ngoài và phổ biến cho công chúng.

Phải tuân thủ những yêu cầu của pháp luật và nguyên tắc GAAP.

Thường được công bố một hoặc hai lần trong năm và xem xét lại kết quả của năm trước.

Phản ánh tình hình tài chính của công ty.

### TÀI LIỆU SỬ DỤNG NỘI BỘ

Được sử dụng trong nội bộ công ty và giữ bí mật.

Không bị ràng buộc bởi bất cứ luật lệ hay quy định nào, và có thể thực hiện theo bất cứ mẫu biểu nào.

Được tổng hợp thường xuyên và tập trung vào những kết quả cho giai đoạn trước đây và trong tương lai.

Đưa ra biện pháp kiểm soát tài chính của một công ty trong hiện nay và cả trong tương lai.

## RÚT RA KẾT LUẬN

Một đặc điểm nổi bật của kế toán quản trị là không bị ràng buộc vào biểu mẫu kế toán thông thường, vì thế có vô số cách trình bày và biểu mẫu được sử dụng. Nhưng vì không có cách nào được gọi là đúng để tổng hợp các báo cáo này, nên có khả năng có rất nhiều sai sót. Làm cách nào bạn có thể đánh giá được tính chính xác của kế toán quản trị của công ty mình? Cách tốt nhất là cố gắng làm cho tài liệu sử dụng nội bộ và tài liệu cung cấp bên ngoài tương thích với nhau vì tài liệu cung cấp bên ngoài chính xác hơn. Nếu tài liệu lưu hành nội bộ khác xa một cách nghiêm trọng so với báo cáo cung cấp cho bên ngoài thì bạn cần phải xem xét lại.

Những con số thực sự của tháng này được so sánh với ngân sách

Số liệu kế từ đầu năm thể hiện xu hướng dài hạn

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO THÁNG 8

KHOẢN MỤC	THÁNG			NĂM			DỰ KIẾN CẢ NĂM
	THỰC TẾ USD	NGÂN SÁCH USD	CHÊNH LỆCH USD %	THỰC TẾ USD	NGÂN SÁCH USD	CHÊNH LỆCH USD %	
Doanh thu	195	200	-5 -3	1.520	1.600	-80 -5	2.300
Giá vốn hàng bán	-150	-150	0 0	-1.190	-1.200	10 1	-1.770
Chi phí văn phòng phẩm	-5	-4	-1 -15	-35	-32	-3 -9	-53
Tiền thuê (nhà, đất...)	-2	-2	0 0	-16	-16	0 0	-24
Lương, thưởng	-21	-22	1 5	-166	-176	10 6	-250
Chi phí bán hàng và tiếp thị	-4	-3	-1 -33	-30	-24	-6 -25	-40
Chi phí phân phối	-2	-2	0 0	-18	-16	-2 -13	-27
Chi phí điện, nước	-1	-1	0 0	-8	-8	0 0	-12
Tiền lãi phải trả	-2	-2	0 0	-16	-16	0 0	-24
 LỢI NHUẬN	 8	 14	 -6 -43	 41	 112	 -71 -63	 100

Những kết quả thực sự được so sánh với ngân sách và thể hiện sự chênh lệch

Sự chênh lệch cũng được thể hiện bằng tỷ lệ phần trăm.

Dự đoán cho kết quả của cả năm

89

Cố gắng làm cho tài liệu kế toán nội bộ và bên ngoài tương thích với nhau.

90

Hãy kiểm tra hệ thống tài liệu kế toán nội bộ của công ty bạn.

### ▼ THÔNG BÁO CHO BAN GIÁM ĐỐC

Nội dung của kế toán quản trị cần phản ánh những gì mà giám đốc muốn thể hiện, ví dụ như công ty đã hoạt động so với kế hoạch như thế nào và hành động điều chỉnh cần phải thực hiện là gì.

**91**

Hãy đảm bảo rằng số sách kế toán nội bộ phải thể hiện nhiều hơn, chứ không chỉ là việc đơn thuần cộng các con số lại với nhau.



## ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chất lượng của kế toán quản trị thay đổi khá đáng kể. Ngay cả những công ty lớn và thành công cũng có thể thực hiện kế toán quản trị kém. Tuy nhiên, các nhà quản lý cần có những tài liệu tài chính dưới hình thức thật thân thiện đối với người sử dụng. Kế toán của bạn sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi đưa ra cho bạn báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh truyền thống vì đó là những gì họ đã quen thuộc. Nhưng những báo cáo đó không phải lúc nào cũng chứa đựng thông tin mà bạn cần để hỗ trợ việc quản lý kinh doanh trong tương lai. Nếu việc thực hiện kế toán quản trị của công ty bạn chưa đạt yêu cầu, hãy từng bước cải thiện nó.

## CẢI THIỆN HIỆU QUẢ

Là một giám đốc, bạn cần phải có cái nhìn sáng suốt về việc công ty của mình hoạt động tốt như thế nào. Vì thế, ngoài việc áp dụng các phương pháp kế toán quản trị, kế toán còn phải chuẩn bị các báo cáo phục vụ cho mục đích cụ thể của bạn. Một bên là các báo cáo kế toán truyền thống, ở giữa là các báo cáo phục vụ cho mục đích quản lý và một bên là các báo cáo phục vụ cho những yêu cầu cụ thể của giám đốc. Phải đảm bảo rằng công ty của bạn đi đúng hướng trong việc tổ chức hệ thống kế toán.



## YÊU CẦU THÔNG TIN ▶

Hãy hỏi kế toán xem những thông tin nào có sẵn trong nội bộ mà sẽ hỗ trợ bạn với vai trò là một nhà quản lý, đồng thời hãy thảo luận cách cung cấp thông tin để bạn tiện sử dụng.

**92**

Luôn chịu trách nhiệm cải thiện thông tin quản lý.

*Giám đốc tìm kiếm những biện pháp thực tế sẽ hỗ trợ cho công việc trong tương lai*

*Kế toán đề nghị cung cấp thông tin bằng biểu đồ để trình bày rõ ràng hơn*

## SỬ DỤNG CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

Để đảm bảo rằng thông tin nhận được từ kế toán là có giá trị, hãy xem xét việc sử dụng một số biện pháp đánh giá được gọi là những chỉ số thực hiện chính (KPI). Những biện pháp này có thể là bất cứ cái gì bạn muốn với điều kiện là chúng quan trọng đối với bản thân bạn và công ty. Nhìn chung, những chỉ số thực hiện chính sẽ bao gồm những thông tin tài chính trong cách tính toán, nhưng cũng không phải lúc nào cũng là như thế. Những chỉ số thực hiện chính điển hình có thể như sau: doanh thu trên số nhân viên, giá vốn hàng bán trên mỗi khách hàng, chi phí tiếp thị trên mỗi khách hàng mới, chi phí nhân công trên mỗi đồng doanh thu và phần trăm khách hàng tiềm năng phát sinh doanh thu. Thông thường thì những chỉ số thực hiện chính có thể được thể hiện trên bảng theo dõi tình hình thực hiện các chỉ số trong nội bộ.

### NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Thông tin kế toán tài chính truyền thống nên được cập nhật và phải đảm bảo tính chất chẽ.
- Phương pháp được chọn phải có ý nghĩa với vai trò nhiệm vụ của bạn.
- Thiết lập chương trình thông tin quản lý theo cách dễ tiếp cận nhằm hỗ trợ cho công việc quản lý.

93

Hãy xem xét các phương pháp đánh giá trong bảng cân đối bốn vấn đề chủ yếu.

### ▼ NHỮNG BIỆN PHÁP ĐƯA RA Ý TƯỞNG

Cùng thảo luận với đồng nghiệp và quyết định xem chỉ số nào có giá trị giúp bạn giám sát và cải thiện năng lực hoạt động.

*Giám đốc cùng với nhóm thảo luận và đưa ra những đề nghị về chỉ số thực hiện thích hợp*



### ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP MANG TÍNH TỔNG THỂ

Một doanh nghiệp cần được đánh giá không chỉ qua kết quả tài chính mà cần phải sử dụng nhiều chỉ số thực hiện. Một công cụ quản lý rất phổ biến đó là bảng cân đối bốn vấn đề chính của công ty để đánh giá tình hình tổng thể:

- Khách hàng: Chúng ta có hài lòng với họ không? Họ có quay lại không? Thị phần của chúng ta như thế nào?
- Quy trình kinh doanh nội bộ: Chúng ta có thể cải thiện các quy trình đó bằng cách nào để phục vụ khách hàng tốt hơn?
- Học hỏi và phát triển: Chúng ta có được trang bị để xử lý những yêu cầu của khách hàng và của quy trình kinh doanh không?
- Tài chính: Tình hình tài chính của công ty như thế nào? Bảng cân đối bốn vấn đề chính của công ty cho rằng nếu ba vấn đề đầu tiên đúng thì vấn đề tài chính cũng sẽ như thế.

# Đưa ra quyết định tài chính tương lai

**D**ể một doanh nghiệp hoạt động thành công, cần tập trung vào việc sử dụng những khái niệm và kỹ thuật kế toán dự báo cho tương lai. Hãy đưa ra ví dụ bằng cách tính toán trên chi phí thực sự và sử dụng những công cụ đơn giản nhưng có hiệu quả để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn.

**94**

Nên nhớ rằng những quyết định cho tương lai luôn cần những kỹ năng tài chính mới.

**95**

Nên chấp nhận rằng các quyết định cho tương lai của hầu hết các công ty đều có sai số.

## CHẤP NHẬN CÁCH SUY NGHĨ MỚI

Để đưa ra những quyết định kế toán chính xác cho tương lai, bạn cần phải xem xét lại cách nhìn nhận các con số. Thay vì nhìn vào những con số trong quá khứ, người kế toán, công ty và các giám đốc phải học cách dự báo cho tương lai. Kế toán truyền thống sử dụng những chi phí lịch sử và các phân tích đều dựa trên những con số này. Tuy nhiên, khi nhìn vào các quyết định cho tương lai, nếu chỉ đơn giản cộng những con số thì sẽ không có được câu trả lời đúng.

## SO SÁNH NHO CẦU KẾ TOÁN CỦA QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI

QUÁ KHỨ	TƯƠNG LAI
Kế toán truyền thống sử dụng chi phí lịch sử và những gì đã diễn ra trong quá khứ.	Những quyết định cho tương lai không cần quan tâm đến những chi phí không thể thu hồi và việc gì đã xảy ra.
Cách quyết định truyền thống sử dụng những khái niệm về lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận thu hồi trên tài sản.	Những quyết định cho tương lai quan tâm đến những khái niệm về chi phí phát sinh thêm và chi phí cơ hội.
Phương pháp đo lường truyền thống xem tất cả tiền đều có cùng giá trị dù phát sinh vào bất cứ lúc nào.	Việc đưa ra quyết định tương lai quan tâm đến lưu lượng tiền tệ được chiết khấu chứ không phải chỉ đơn thuần là lợi nhuận.
Kế toán lịch sử đưa ra kết quả đơn giản về lợi nhuận.	Việc đưa ra quyết định cho tương lai so sánh các dự án với nhau, hoặc là có nên làm hay không.

**96**

Hãy so sánh chi phí thực hiện dự án và chi phí không thực hiện dự án.

## KHÔNG QUAN TÂM ĐẾN CHI PHÍ KHÔNG THỂ THU HỒI

Có được chi phí đúng là điều kiện cần thiết để điều chỉnh việc đưa ra quyết định. Một quy tắc vàng là luôn lờ đi những chi phí không thể thu hồi. Mặc dù mọi người sẽ phàn nàn về những chi tiêu đã bỏ ra, nhưng bạn không nên cho đó là chi phí khi đánh giá xem có nên tiếp tục chi tiếp cho dự án trong tương lai không. Bạn thường nghe thấy câu này “Chúng ta phải tiếp tục đi vì chúng ta đã chi ra quá nhiều rồi!” Đây là cách làm rất phổ biến nhưng dễ dẫn đến sai lầm.

### TẬP TRUNG VÀO CHI PHÍ PHÁT SINH THÊM

Chi phí phát sinh là khoản chi phí tăng thêm như là hệ quả trực tiếp của một việc gì đó đã xảy ra và khoản này thật sự biến đổi. Nếu một dự án cần đến 2 người trong vòng 1 tháng nhưng hiện tại công ty không có sẵn người nên phải thuê người ở bên ngoài, đó là chi phí phát sinh thêm. Nhưng nếu công ty có sẵn người và bạn sử dụng họ thì xem như là không có chi phí phát sinh thêm. Quy luật ở đây là không chú ý đến những chi phí không có liên quan mà chỉ tính đến những chi phí phát sinh.

**97**

Chỉ có những chi phí phát sinh thêm là có liên quan.

#### ▼ NHỮNG CHI PHÍ ĐƯỢC TÍNH ĐỀN

Có ba quy tắc vàng để theo dõi khi nào thì các chi phí được tính vào để giúp bạn đưa ra quyết định cho tương lai, đó là: không tính đến chi phí không thể thu hồi, không tính đến chi phí không có liên quan và chỉ tính chi phí phát sinh.

DỰ ÁN

Tiền chi cho Tom thực hiện việc nghiên cứu thị trường, không thể lấy lại được



**CHI PHÍ KHÔNG THỂ THU HỒI**

Alice được yêu cầu đảm nhiệm thêm dự án cùng như tiếp tục thực hiện dự án của chính cô



**CHI PHÍ KHÔNG LIÊN QUAN**

Peter được tuyển từ ngoài tổ chức vào để kết thúc dự án



**CHI PHÍ PHÁT SINH**

**98**

Hãy hỏi kế toán để biết chi phí tiền vốn của công ty bạn là bao nhiêu.

**99**

Nên nhớ rằng những dự báo lưu lượng tiền tệ cho tương lai không nhất thiết là phải thật chính xác.

## SỬ DỤNG NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN

Khi chi phí đúng, hãy xét xem việc chi tiêu có đáng hay không bằng cách sử dụng các phương pháp tính tỷ suất hoàn vốn hay thời gian hoàn vốn. Để tính tỷ suất hoàn vốn, chỉ đơn giản cộng tất cả các con số lãi và thể hiện dưới dạng phần trăm. Ví dụ, chỉ ra 1.000 USD, thu lại 400 USD trong 3 năm tới, có được một khoản lợi nhuận là 200 USD, hay tỷ suất hoàn vốn là 20% (khoảng 6% một năm) trên số vốn đầu tư ban đầu. Sau đó đánh giá thời gian hoàn vốn – trong trường hợp này là 2 năm rưỡi. Thời gian hoàn vốn có thể biến động từ 6 tháng đến nhiều năm, tùy thuộc vào công ty và quan điểm của công ty về tương lai.

## ÁP DỤNG CHIẾT KHẨU

Khi đưa ra những quyết định về tương lai, cần nhận biết giá trị của tiền theo thời gian. Trong ví dụ chi tiêu 1.000 USD và mỗi năm thu lại 400 USD trong vòng 3 năm tới, phải nhận thấy rằng giá trị 400 USD sẽ rất khác nhau ở năm đầu tiên, năm thứ hai và năm thứ ba. Cách công bằng nhất khi cộng tổng số tiền tương lai lại với nhau là bạn phải chiết khấu số tiền tương lai thu được về giá trị tiền ngày hôm nay, hay "giá trị hiện tại". Giá định lãi suất 10%, 1 USD trong 1 năm sau chỉ có giá trị hiện tại là 91 cent (91 cent cộng với 10% bằng 1 USD). Giá trị hiện tại của 91 cent sau một năm là khoảng 83 cent. Nhận lưu lượng tiền với tỷ lệ chiết khấu thì có được lưu lượng tiền được chiết khấu và tổng số này được gọi là giá trị hiện tại thuần, hay là NPV.

### ▼ TÍNH LƯU LƯỢNG TIỀN ĐƯỢC CHIẾT KHẨU

Nhận số lưu lượng tiền tệ với tỷ lệ chiết khấu để có được lưu lượng tiền tệ được chiết khấu. Công tổng số ta có được giá trị hiện tại thuần NPV. Thông thường, một dự án sẽ được thực hiện nếu NPV dương.

THỜI GIAN	LƯU LƯỢNG TIỀN TỆ (USD)	CHIẾT KHẨU 9%	LƯU LƯỢNG TIỀN TỆ ĐÃ CHIẾT KHẨU (USD)
0	-1.000	1,00	-1.000
1	400	0,92	368
2	400	0,84	336
3	400	0,77	308
TỔNG	200		

Tổng số lưu lượng tiền được chiết khấu  
gọi là NPV

### TRÁNH SAI LÀM

Có một số vấn đề cần biết khi sử dụng lưu lượng tiền tệ được chiết khấu:

- Khung thời gian: Thời gian hoạt động của một dự án nên là bao nhiêu năm? (Càng lâu trông có vẻ càng tốt hơn)
- Tính chính xác: Việc dự báo những sự kiện trong tương lai sẽ luôn khó và mang tính chủ quan, đặc biệt là với việc dự báo cho nhiều năm.

- Những con số quan trọng: Thực hiện đơn giản và không nên cố gắng đưa vào quá nhiều những con số chính xác nhưng không mang tính thực tế trong các dự báo.
- Chi phí tiền: Sử dụng chi phí thực sự, mức chi phí trung bình đối với công ty, hoặc thậm chí sử dụng tỷ lệ dự phòng để an tâm hơn.

### SỬ DỤNG TỶ LỆ CHIẾT KHẤU CAO HƠN

Việc áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn sẽ làm cho lưu lượng tiền tệ trong tương lai hấp dẫn hơn và dự án trông có vẻ khả thi hơn. Trong dự án sẽ có một điểm NPV bằng không. Tỷ lệ chiết khấu tại điểm NPV bằng 0 được gọi là "suất nội hoàn" hay IRR và tương đương với khả năng sinh lợi của một dự án. NPV và IRR đều đưa ra một kết luận giống nhau nhưng nhiều người thích so sánh IRR hơn vì nó được thể hiện thành số phần trăm.

#### ▼ SỬ DỤNG SUẤT NỘI HOÀN

Tỷ lệ chiết khấu là 9% dẫn đến NPV của dự án dương. Tỷ lệ chiết khấu cao hơn sẽ làm giảm lưu lượng tiền tệ trong tương lai. Nếu áp dụng tỷ lệ chiết khấu là 9,7% sẽ cho NPV bằng 0. Đây là suất nội hoàn của dự án hay khả năng sinh lợi của dự án.

100

Hãy sử dụng bảng tính để kiểm tra việc tính toán của bạn khi thực hiện chiết khấu.

101

Nên nhớ rằng quyết định của bạn chỉ tốt khi những con số dự đoán tốt.

THỜI GIAN	LƯU LƯỢNG TIỀN TỆ (USD)	CHIẾT KHẨU 9,7%	Vì NPV dương ở tỷ lệ chiết khấu 9%, nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn	
			LƯU LƯỢNG TIỀN TỆ ĐÃ CHIẾT KHẨU (USD)	TỔNG
0	-1.000	1,00	-1.000	0
1	400	0,91	364	
2	400	0,83	332	
3	400	0,76	304	
	200			

NPV tính lại là 0, do vậy 9,7% là IRR của dự án

## ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG KẾ TOÁN CỦA BẠN

**K**iến thức về những nguyên tắc kế toán và ba báo cáo tài chính quan trọng sẽ đảm bảo bạn có thể diễn giải và sử dụng những thông tin được cung cấp trong các tài liệu kế toán. Hãy sử dụng bảng câu hỏi này để kiểm tra khả năng hiểu biết của bạn. Trả lời những câu hỏi thật trung thực. Nếu câu trả lời là “không bao giờ”, chọn 1 và... Sau đó cộng các điểm lại với nhau và tham khảo bảng Phân tích ở cuối bảng câu hỏi.

### LỰA CHỌN

1. Không bao giờ
2. Thỉnh thoảng
3. Thường xuyên
4. Luôn luôn

**1** Tôi có hiểu các báo cáo tài chính mà công ty của tôi đưa ra không?

- 1     2     3     4

**3** Tôi nghiên cứu các quy định và nguyên tắc thực hành để thấy được chúng đã ảnh hưởng đến sổ sách kế toán của công ty như thế nào.

- 1     2     3     4

**5** Tôi sử dụng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để theo dõi lợi nhuận và chi phí.

- 1     2     3     4

**2** Tôi biết rằng tài liệu kế toán phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau và điều chỉnh các kết luận của tôi một cách tương ứng.

- 1     2     3     4

**4** Tôi đã tuân thủ những nguyên tắc kế toán cơ bản khi chuẩn bị các con số của mình.

- 1     2     3     4

**6** Tôi lên kế hoạch hoạt động cho bộ phận của mình có tham khảo đến lợi nhuận gộp.

- 1     2     3     4

**7** Tôi hiểu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh gồm có những gì và làm thế nào để diễn giải nó.

- 1     2     3     4

**9** Tôi nghiên cứu bảng cân đối kế toán để tìm cách làm cho công việc trở nên hiệu quả hơn.

- 1     2     3     4

**11** Tôi nhận thức được ý nghĩa và ảnh hưởng của tài sản vô hình.

- 1     2     3     4

**13** Tôi quan tâm xem hàng tồn và các khoản phải thu có tồn đọng quá lâu không?

- 1     2     3     4

**15** Tôi xem xét nguồn vốn của cổ đông để xem công việc kinh doanh đã phát triển như thế nào.

- 1     2     3     4

**8** Tôi xem lợi tức khấu lưu là phương pháp đo lường chính về tiềm năng phát triển của một doanh nghiệp.

- 1     2     3     4

**10** Tôi đánh giá kỹ lưỡng việc mua sắm tài sản vốn bằng cách phân tích tài sản cố định.

- 1     2     3     4

**12** Tôi xem xét loại tài sản lưu động và giá trị tài sản lưu động để quản lý vốn lưu động.

- 1     2     3     4

**14** Tôi quan tâm đến ảnh hưởng của số tiền nợ và ngày thanh toán.

- 1     2     3     4

**16** Tôi hiểu được sự khác biệt giữa lợi nhuận và tiền mặt.

- 1     2     3     4

**17** Tôi phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty.

 1 2 3 4

**18** Tôi lên kế hoạch tương lai cho bộ phận của mình có tham khảo đến dự báo lưu chuyển tiền tệ.

 1 2 3 4

**19** Tôi chỉ sử dụng các tỷ lệ kế toán cụ thể cho những gì mà mình muốn hiểu.

 1 2 3 4

**20** Tôi thể hiện tất cả các dòng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thành tỷ lệ phần trăm trên doanh thu.

 1 2 3 4

**21** Tôi có sử dụng những tỷ lệ từ bảng cân đối kế toán và hiểu được hoàn toàn.

 1 2 3 4

**22** Tôi hiểu các tỷ lệ của các nhà đầu tư bên ngoài thường sử dụng trong thị trường chứng khoán.

 1 2 3 4

**23** Tôi đọc những bản thông báo bổ sung trong báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

 1 2 3 4

**24** Tôi nhận biết được những khác biệt trong kế toán trên thế giới ảnh hưởng đến mình như thế nào.

 1 2 3 4

**25** Tôi biết mình sẽ cần có sự giúp đỡ về một số vấn đề kế toán chuyên môn.

 1 2 3 4

**26** Tôi sẽ xem xét thủ thuật kế toán có thể ảnh hưởng đến các con số như thế nào.

 1 2 3 4

**27** Tôi tham khảo kế toán quản trị để kiểm soát hoạt động tài chính của bộ phận mình.

- 1     2     3     4

**28** Tôi tìm cách nâng cao nội dung và chất lượng thông tin tài chính nội bộ.

- 1     2     3     4

**29** Tôi nhận ra rằng mình phải sử dụng những tiêu chuẩn tài chính khác nhau trong việc đưa ra những quyết định cho tương lai.

- 1     2     3     4

**30** Tôi dùng lưu chuyển tiền tệ được chiết khấu để đánh giá tình hình tài chính của một dự án.

- 1     2     3     4

**31** Tôi biết rằng tài liệu kế toán bao gồm các yếu tố chủ quan và linh hoạt.

- 1     2     3     4

**32** Tôi tiếp tục học và tiến bộ thông qua việc phân tích kế toán của mình.

- 1     2     3     4

## PHÂN TÍCH

Bạn đã hoàn thành bảng đánh giá cho chính mình, hãy công tất cả điểm số lại và kiểm tra việc thực hiện của bạn bằng cách đọc phần đánh giá tương ứng. Dù bạn đạt được ở mức độ nào, vẫn nên nhớ rằng mình luôn cần phải cải thiện. Hãy xác định những điểm yếu nhất, và xem lại phần có liên quan trong cuốn sách này về những lời khuyên và mẹo hay để giúp bạn phát triển những kỹ năng kế toán.

32-64: Kiến thức của bạn chưa đủ sâu sắc như năng lực của một giám đốc

65-95: Bạn có đủ hiểu biết về kế toán. Hãy cố gắng khắc phục những điểm yếu để có được

những kết quả tốt hơn nhờ những kỹ năng kế toán của mình

96-128: Bạn là người có năng lực cao trong việc sử dụng tài liệu kế toán. Tuy nhiên, không nên tự mãn mà hãy hoàn thiện những kỹ năng kế toán bằng cách thực hiện chúng thường xuyên.



# CẨM NANG QUẢN LÝ

# KIẾN THỨC VỀ KẾ TOÁN

## UNDERSTANDING ACCOUNTS

ROBERT BELLER

Tổng hợp và Biên dịch : KIM PHƯỢNG  
LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH (M.B.A)  
Hiệu đính : NGUYỄN VĂN QUÌ (Ph.D.)  
FIRST NEWS

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
TRẦN ĐÌNH VIỆT

---

Biên tập : Hoàng Việt  
Trình bày : Lê Công Bằng  
Sửa bản in : Đoan Trang  
Thực hiện : First News

---

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
62 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1  
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8220405 – 8223637 – 8296713

---

Số lượng 2.000 cuốn khổ 16 x 24 cm tại XN In Công ty Văn Hóa Phương Nam (160/13 Đội Cung, Q.11, TP.HCM). Giấy đăng ký KHXB số 125-06/CXB/06-14/ THTPHCM cấp ngày 26/04/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2006.



# CẨM NANG QUẢN LÝ HIỆU QUẢ

UNDERSTANDING ACCOUNTS

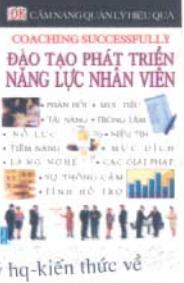
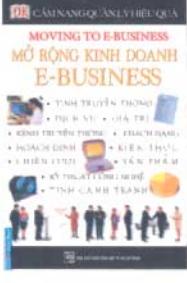
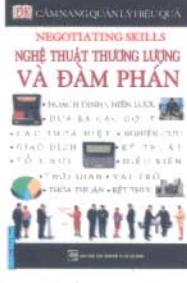
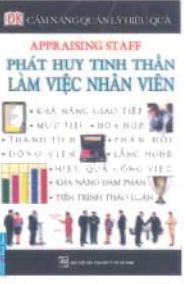
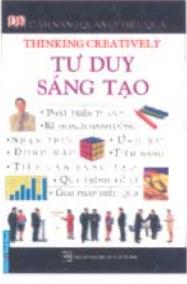
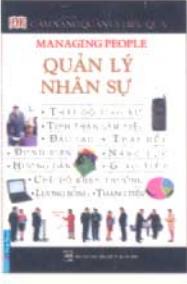
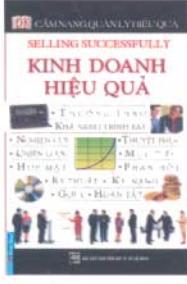
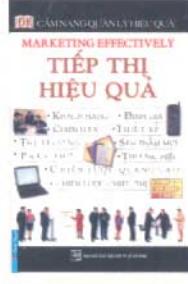
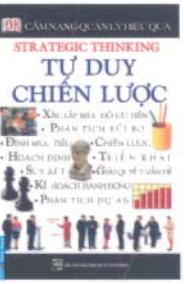
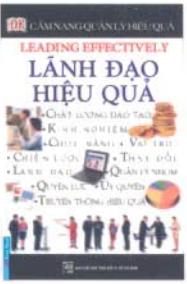
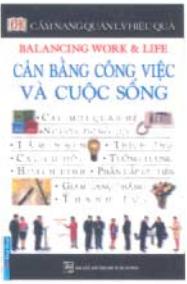
## KIẾN THỨC VỀ KẾ TOÁN

Những kinh nghiệm thực tế và hướng dẫn hữu ích giúp bạn biết cách tổng hợp các tài liệu về kế toán và khai thác thông tin về hoạt động tài chính của công ty để nâng cao khả năng lãnh đạo của mình.

Những ví dụ và minh họa cụ thể giúp bạn nắm được tình hình tài chính của công ty và cách thức xử lý nhanh chóng những vấn đề có thể phát sinh.

Những gợi ý đơn giản để áp dụng hiệu quả các quy tắc và thủ thuật kế toán vào công việc quản lý kinh doanh của bạn.

## BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG TRONG KINH DOANH



en quản lý hq-khiến thức về